

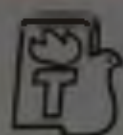


HOCTẬP VÀ LÀM THEO
TẤM GUƠNG ĐẠO ĐỨC
HỒ CHÍ MINH



THY NGỌC

VIỆT NAM ĐẸP NHẤT
CÓ TÊN BÁC HỒ



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

3K5H5 28-01 /ĐKKH/Tre
TRE-2007

THY NGỌC
(sưu tầm - giới thiệu)

VIỆT NAM ĐẸP NHẤT
CÓ TÊN
BÁC HỒ

TÀI BẢN LÂN THỦ TƯ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

HOAN NGHÈNH BẠN ĐỌC GÓP Ý PHÊ BÌNH
NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
161b Lý Chính Thắng - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 9316211 - 8465595 - 8465596 - 9316289
Fax: 84.8.8437450
E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn



LỜI NÓI ĐẦU

Giới thiệu cùng bạn đọc cuốn sách **“Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ”** chúng tôi mong muốn cung cấp chút ít tư liệu tới các bạn thanh niên để các bạn tiện tra cứu nhanh khi cần thiết, những nét chính về thân thế và sự nghiệp của Bác Hồ, qua từng giai đoạn lịch sử.

Những công trình nghiên cứu, những pho sách đồ sộ viết về Bác Hồ đã có khá nhiều, cho nên việc làm này cũng chỉ là thêm một hạt muối bỏ biển; nhưng với tấm lòng kính yêu, ơn Bác đời đời, chúng tôi tự thấy đây là một dịp ôn lại những điều hiểu biết rất ít ỏi của mình để củng cố thêm vốn kiến thức còn đơn giản và phải luôn luôn được bổ sung, nhắc nhở.

Chúng tôi mạo muội mạn phép tác giả những tác phẩm có ghi ở “Phần tham khảo”, được lược trích hoặc một số dòng, hoặc một số trang, để hợp thành cuốn sách tư liệu này.

Chúng tôi trân trọng biết ơn.

THY NGỌC



SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- ❖ **Tử điển Hồ Chí Minh (Sơ giản) - Nhà xuất bản Trẻ - Ban Khoa học lịch sử Viện Khoa học xã hội - 1996**
- ❖ **Hồ Chí Minh toàn tập - Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - 2000**
- ❖ **Hồ Chí Minh - Về giáo dục thanh niên - Nhà xuất bản Thanh Niên - 1980**
- ❖ **Nguyễn Ái Quốc trên đường về nước - Thanh Đạm - Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Nhà xuất bản Nghệ An - 1994**
- ❖ **Văn hóa Việt Nam - Tổng hợp 1989-1995 - Ban Văn hóa Văn nghệ Trung ương - 1989**
- ❖ **Hồ Chí Minh thời niên thiếu - Bùi Ngọc Tân - Nhà xuất bản Nghệ An - 1994**
- ❖ **Dị tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Kim Liên - Trần Minh Siêu - Nhà xuất bản Nghệ An - 1994**
- ❖ **Những người thân trong gia đình Bác Hồ - Trần Minh Siêu - Nhà xuất bản Nghệ An - 1995**
- ❖ **Về quê Bác - Vương Lộc - Vương Kính - Nhà xuất bản Kim Đồng - 1970**
- ❖ **Chuyện kể từ Làng Sen - Chu Trọng Huyền - Nhà xuất bản Kim Đồng - 1980**
- ❖ **Nhớ ơn Bác Hồ - Nhà xuất bản Phụ Nữ - 1980**
- ❖ **Tìm hiểu truyện và ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh - GS Lê Tri Viễn - Nguyễn Văn Hấn - Sở Văn hóa và Thông tin Đồng Tháp - 1985**
- ❖ **Những vần thơ đẹp Hồ Chí Minh - Ban Khoa học Xã hội thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh - 1990**
- ❖ **Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc - Phạm Khắc Hòe - Nhà xuất bản Trẻ - 1996**



THỜI NIÊN THIẾU CỦA BÁC HỒ

Những người thân trong gia đình Bác

Ngày nghỉ của tuần lễ đầu tháng 5 này, nhóm Sinh hoạt Thanh niên do Hòa phụ trách, gặp nhau thật đầy đủ. Hòa hiểu vì sao các bạn đúng hẹn như vậy. Mở đầu, Hòa có hồi hộp, nhưng thực hiện được ý định là hát trước mấy bài hay hát nhất nói về Bác Hồ, không khí bỗng nhiên thanh thoát, chân tình, gần gũi...

Trước đó, mỗi bạn khi tới đã trao nhau coi các ảnh, tranh vẽ, sưu tầm từ báo chí trong và ngoài nước, sắp xếp theo thời gian - từ thuở thiếu thời đến năm Bác Hồ mất - nên buổi sinh hoạt như đã được gọi lên bao nét chính.

- Có bạn nào chưa biết ngày, tháng, năm sinh của Bác không?

Câu hỏi bất ngờ của Hòa tưởng chừng có thể bị phản ứng, lại được tất cả trả lời cũng lướt:

- 19 tháng 5, năm 1890.

- Đúng quá. Nếu các bạn trả lời câu này nữa thì rất tuyệt: - Tên khai sinh của Bác Hồ là gì?

Một phút im lặng rồi nhiều câu trả lời khác hẳn nhau. Có bạn nói: - "Nguyễn Sinh Cung!". Có bạn nói:

- “Nguyễn Tất Thành!”. Có bạn lại nói gọn: - “Côn!”. Chưa kể một vài bạn khác nhắc khê “Anh Ba!”..., “Nguyễn Ái Quốc!”... hoặc một số bút danh mà Bác Hồ ký ở các bài báo.

- Mời bạn đã được phân công thuyết trình phần **“Thời niên thiếu của Bác Hồ”** cho ý kiến.

Thủy đứng lên với một tập giấy đựng trong bìa nhựa xanh trong suốt, hơi run tay cầm, lúc đầu giọng nói chưa được tự nhiên và hơi khê. Một thoáng sau, Thủy vào đề đã mạch lạc và rõ ràng, nhưng làm cho cả phòng họp vui hẳn lên với cách giải thích tên gọi “Côn”.

- Tôi xin nói trước về tên gọi là Côn. Có câu chuyện về cái tên ấy như sau: - Có lần khách đến thăm nhà hỏi tên mấy cậu con trai của ông Sắc. Chúng ta đều biết ông Nguyễn Sinh Sắc là thân sinh hai cậu Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Cung - tức là hai anh em Bác Hồ hồi nhỏ. Trả lời người hỏi, ông Sắc vui vẻ nói: - “Cu anh tên Khơm, cu em tên Côông”.

Thổ âm địa phương gọi “Khiêm” là “Khơm”, và “Cung” là “Côông”. Có thể từ thổ âm đó, nghe Cung là Có ông, âm Côông gần với âm “Côn” làm cho ta quen dần với từ “Còn” chẳng? Tên Bác Hồ thuở nhỏ là **Nguyễn Sinh Cung** thôi.

Sau khoa thi hội Tân Sửu (năm 1901) ông Nguyễn Sinh Sắc đậu Phó bảng, trở về làng Sen, làm lễ “vào làng” cho hai con trai. Chắc ông nghĩ đến mình, đến tương lai của con, bèn ghi lên Sinh Khiêm là Tất Đạt,

Sinh Cung là Tất Thành vào số làng. Từ đó Nguyễn Sinh Cung có thêm tên là **Nguyễn Tất Thành**.

Thủy thêm một chi tiết làm ai nấy cười bể bụng. Đó là khi ông Sắc trả lời tên con cho người hỏi, rồi ông nói thêm: "Khờm Côong mà!". Hiểu cách nói lái của người địa phương lúc đó, "Khờm Côong" tức là "không cơm!". Vừa vui vừa thâm thúy. Vì gia đình cậu bé Nguyễn Sinh Cung là một gia đình thanh bạch, ở một làng nghèo như làng Sen, mà nông thôn Nghệ An đã nghèo lại càng nghèo thêm từ khi mất nước.

Kể đến đây, Thủy nói vội:

- Chúng mình cũng nên kể luôn tên các anh chị em của Bác, theo thứ tự năm sinh như sau:

- Nguyễn Thị Thanh (năm 1884)
- Nguyễn Sinh Khiêm (năm 1888)
- Nguyễn Sinh Cung (năm 1890)
- Nguyễn Sinh Xin (năm 1900)

Người em út này mất sau đó một năm, trong thời gian ông Nguyễn Sinh Sắc từ quê hương vào Huế dự kỳ thi Hội năm Tân Sửu - 1901.

Cái chết của đứa em bé bỗng lại gieo vào tâm hồn thơ trẻ của Sinh Cung một nỗi buồn da diết. Nào đã lâu gì, mẹ vừa trút hơi thở cuối cùng ở Huế. Cung càng thấy thương Bà hơn, hàng ngày giúp Bà mọi việc trong nhà. Mấy chị em liu riu bên Bà và thấy bụi chuối, bờ dậu, vườn cau, gốc mít... đều là những bạn thân thiết.

- Có lẽ bạn Thủy nên kể chi tiết hơn về quê hương

và gia tộc của Bác Hồ thuở nhỏ. Nhân dịp này chúng mình hiểu kỹ, nhớ kỹ thêm.

- Thủy đã tìm ở một số cuốn sách và đã ghi được một số điểm chính. Thủy xin đọc nhanh và không bình luận gì.

- **Nam Đàn** là một huyện nhỏ nằm về phía nam tỉnh Nghệ An. Từ Vinh lên đến huyện lỵ Nam Đàn vừa đúng hai mươi cây số, nhưng đến quê Bác chỉ có mười ba cây. Quê nội Bác ở làng Kim Liên tức làng Sen. Quê ngoại Bác ở làng Hoàng Trù, tức làng Chùa. Hai làng cách nhau chừng hai cây số. Bên cạnh làng Sen và làng Chùa có ngọn núi Chung.

Núi Đụn tức Hùng Sơn chắn ngang phía bắc huyện Nam Đàn. Từ nguồn xa đổ về, con sông Lam, màu nước xanh như tên gọi, uốn quanh chân núi Đụn, rồi vượt qua những đồng lúa, bãi mía, nương dâu xanh ngắt. Thị trấn Nam Đàn nằm trên tả ngạn sông. Về phía tây, dãy núi Thiên Nhẫn âm thầm chạy dài, là ranh giới thiên nhiên giữa hai huyện Đức Thọ, Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh và huyện Nam Đàn tỉnh Nghệ An. Núi Đại Huệ ở về phía đông. Bên kia là huyện Nghi Lộc, xứ sở của cam xã Đoài nổi tiếng. Dãy Hồng Lĩnh đứng sừng sững như bức thành, nhiều chóp cao vút lên trời.

Cảnh núi đồi núi, sông mở sông đã tạo cho Nam Đàn một vẻ đẹp riêng, một vẻ đẹp tươi mát mà hùng vĩ như câu ca dao:

*Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ*

Nam Đàn giàu đồi núi nhưng ruộng đất lại nghèo. Xen giữa núi đồi là những cánh đồng hẹp, đất cát pha như đã vắt hết màu mỡ...

... Làng Kim Liên, tức làng Sen nằm trải ra như một lá sen giữa xã Kim Liên. Dùng như tên gọi, làng Sen có rất nhiều sen. Sen đội bùn, đội nước đứng lên, trải những tán lá rộng, xòe những cánh hoa màu trắng, màu hồng. Hương sen thơm dịu, tỏa khắp nơi.

Tới làng Sen, vào thăm nhà Bác, qua chiếc cổng tre sơ sãi kết bằng mấy thanh tre nhỏ, là khu vườn cau, chuối, chanh mọc lứa thưa. Nhà là một ngôi độc năm gian và một mái nhà ngang nhỏ, nền đất, phên nứa, mái tranh, giản dị bình thường. Chính ở đây, Bác Hồ đã lớn lên, sống quãng đời niên thiếu. Ngôi nhà này là do dân làng góp công, của dựng lên tặng ông Nguyễn Sinh Sắc, nhân dịp ông thi đậu Phó bảng, đem lại vinh dự cho dân làng.

Nhưng cậu Cung ở quê nhà không lâu. Cậu theo cha vào Huế. Từ đó cả gia đình bước vào cuộc đời lênh đênh cơ khổ suốt mấy chục năm ròng.

Ngôi nhà vắng chủ cũng không tránh khỏi số phận chìm nổi của nó. Túp nhà bên ngoài được dỡ đi từ lâu. Ngôi nhà năm gian ở làng Sen đã bán qua tay hai ba chủ. Đến năm 1955, trong cải cách ruộng đất, nhân dân địa phương mới chuộc lại và đem về dựng trên mảnh vườn cũ.

Mãi đến ngày 16 tháng 6 năm 1957, sau năm mươi hai năm xa cách, khi cậu bé Nguyễn Sinh Cung đã trở thành **Chủ tịch Hồ Chí Minh**, người dân Nam Liên mới lại được hồ hởi đón Bác Hồ trở lại thăm quê nhà.

Tám giờ sáng, xe Bác về. Xe đậu cạnh một ngôi nhà gạch vừa mới dựng lên để tiếp khách. Một đồng chí Ủy ban xã mời Bác vào nhà khách uống nước. Bác không vào. Bác nói: "Nhà khách là để tiếp khách, còn tôi về nhà mà!". Thế rồi Bác về nhà.

Bấy giờ việc khôi phục lại ngôi nhà còn chưa đúng xưa kia. Cái ngõ trước đây ở phía trước, nay trở một bên. Bác không đi vào theo ngõ mới. Mặc dù ngõ cũ chưa có lối đi, bước chân Bác vẫn đi theo ngả đó. Nhà cũ năm gian lúc đó chỉ có ba gian. Nhà cũ phía sau thưng phen nay lại thưng gỗ. Bàn thờ ngày xưa là tấm liếp đan thưa trái chiều, lúc này lại lát gỗ. Bác ngó nhìn và góp ý suốt lượt.

Rồi Bác hỏi lời giếng Cốc, thăm lò rèn anh Điền. Giếng Cốc vẫn còn. Anh Điền đã là một cụ già trên bảy mươi. Cụ xúc động bước tới chào Bác. Còn đồng bào làng Sen thì mừng vui khôn xiết, xúm quanh để trả lời từng điều Bác hỏi về cảnh cũ, người xưa. Hơn 50 năm đi khắp đó đây, lo toan biết bao việc hệ trọng mà Bác Hồ vẫn nhớ từng gốc cây, ngọn cỏ, từng chiếc kèo, chiếc cột, nhớ đến chiếc vò đựng nước, chiếc gáo dừa múc nước, nhớ tiếng hò, giọng nói làng Sen.

Trước khi Bác về thăm làng, tỉnh Nghệ An có ý định khoanh một vùng thật rộng để xây dựng lại mảnh vườn nhà Bác. Bác về góp ý:



*Người thăm lại ngôi nhà quê ngoại ở làng Hoàng Trù, xã Kim Liên,
huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (12.1961)*

- Không nên. Nhà Bác vốn nghèo, vườn của Bác tất nhiên phải hẹp.

Địa phương lại muốn xây nhà khách thật to. Bác nhắc:

- Chỉ nên làm vừa đủ tiếp khách.

Bà con muốn rào vườn bằng nữa, Bác cười:

- Vườn thì chỉ nên rào cây bông bụt, vừa không hư, vừa có lá nuôi bò.

Bà con xin Bác cho trồng hoa trong vườn để được đẹp mắt. Bác gật nhưng nói:

- Muốn trồng hoa cũng được nhưng chỉ được trồng hoa khoai.

Ngày trở lại quê hương lần ấy, Bác đã nói chuyện với họ hàng và nhân dân địa phương ở một bãi đất rộng. Mọi người lắng nghe từng lời Bác nói:

..."Tôi là một người con, một người em của nhân dân đi xa nhà hơn năm mươi năm.

*Ôn sâu, nghĩa nặng, tình cao
Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình!*

Người ta nói gặp nhau thì mừng mừng tủi tủi, nhưng tôi thì mừng chứ không tủi, vì khi tôi đi đồng bào còn bị nô lệ, nay tôi về đồng bào đã được tự do, thoát khỏi ách thực dân phong kiến...”

Bác còn dặn bà con nhiều điều, căn dặn mọi người ra sức thi đua về mọi mặt và hứa nếu thi đua giỏi, Bác sẽ về thăm nhà lần nữa. Các cháu nhỏ được Bác cho hai gói kẹo. Bác biếu các cụ già ba gói trà. Bác chúc sức khỏe bà con lần nữa rồi mới lên xe đi. Xe từ từ ra khỏi làng. Bà con đứng nhìn theo cho đến khi xe khuất phía đường xa.

Lần thứ hai Bác Hồ về thăm quê là ngày 9 tháng 12 năm 1961. Lần này Bác nhắc nhở:

“... Xã ta hay có phái đoàn nước bạn đến thăm. Nếu hợp tác xã mà tốt, nếu các cô các chú và đồng bào làm tốt mọi việc, có phái về vang cho Kim Liên không? Tốt đây không phải là làm nhà to, nước trà cho nhiều. Hãy làm những điều Bác vừa nói đó: củng cố và phát triển hợp tác xã cho tốt, làm cho ngày công nhiều, xã viên thu nhập cao, văn hóa tốt, trật tự trị an tốt...”

Bác nhấn mạnh:

“... Muốn có nhà ở thì phải trồng cây lấy gỗ, muốn đời sống no ấm thì phải sản xuất nhiều lúa, nhiều khoai...”

Cả hai lần về thăm quê, Bác Hồ đều căn dặn bà con trồng thật nhiều cây.

Trong Đại hội Đảng toàn quốc năm 1960, gặp đại biểu đoàn Nghệ An, hỏi tình hình trồng cây, Bác trao cho đồng chí Bí thư Đảng ủy xã Kim Liên một gói hạt phượng vĩ và dặn: "Về nhân nó ra!". Vâng theo lời Bác, đến nay Kim Liên đã có những vườn ương hàng triệu cây con...

Thủy đã trình bày xong phần nghiên cứu của mình. Tới lượt Sơn. Không hiểu do cách nói của Thủy hấp dẫn hoặc do cách lựa chọn tư liệu được rõ ràng, hợp lý, mà Sơn cứ xếp lại những trang viết Sơn đã gài phăng phiu. Mãi Sơn mới vào đề:

- Bạn Thủy chỉ cần mở rộng một vài chi tiết nữa thì phần trình bày của Sơn - về hai vị thân sinh của Bác Hồ cùng tuổi thơ của Bác, Sơn đỡ phải nói thêm.

- Nếu Thủy có nói thì Sơn vẫn có thể nhắc lại, bọn mình càng được dịp học hỏi thêm, không sợ trùng lặp đâu.

- Vậy Sơn xin được giới thiệu đôi nét:

Theo gia phả họ Nguyễn Sinh, thì Nguyễn Sinh Sắc là con trai út ông Nguyễn Sinh Vượng và bà Hà Thị Hy. Sinh năm 1862, cậu bé Nguyễn Sinh Sắc lên ba tuổi đã mồ côi cha và lên bốn tuổi lại mồ côi mẹ.

Lớn lên, Sinh Sắc phải lao động vất vả và không được học hành như bạn bè cùng lứa tuổi. Bởi thế cậu rất khát khao học tập. Những khi đất trâu ra đồng, ngang qua lớp học của thầy đồ Vương Thúc Mậu, Sinh Sắc thường buộc thùng trâu vào gốc tre, mãi mê đứng

xem thầy giảng bài. Hễ có thi giờ rảnh, cậu lại hí hoáy tập viết vào nền đất hay lá cây. Tính siêng năng chăm lụng và niềm say mê học hành của Sinh Sắc được bà con trong làng, ngoài xã khen ngợi.

Ngày xưa ở làng Chùa có thầy giáo Hoàng Đường hay qua lại thăm bạn là Vương Thúc Mậu ở làng Sen. Vào dịp xuân Mậu Thìn (1878) trên đường qua làng Sen, thầy chợt thấy một cậu bé đang say sưa đọc sách trên lưng trâu, trong khi các đám trẻ thì reo hò, chạy nhảy. Sau khi hỏi tên tuổi và gia cảnh cậu bé, thầy động lòng thương và nảy ra ý định xin Sinh Sắc về nuôi dạy. Người anh cùng cha khác mẹ của Sinh Sắc là Nguyễn Sinh Trợ cảm động trước lòng cao cả của thầy, đã đồng ý. Từ đấy Sinh Sắc được gia đình thầy Hoàng Đường nuôi cho ăn học.

Sinh Sắc ngày càng được mọi người yêu mến, vì anh vừa học giỏi, vừa có lễ độ. Đối với Sắc, làng Chùa là quê hương thứ hai và cụ Hoàng Đường là người cha đỡ đầu vô vàn kính yêu.

Gia đình cụ Hoàng Đường cũng vào hạng trung lưu. Cụ bà cùng hai người con gái là Hoàng Thị Loan và Hoàng Thị An làm ruộng và dệt vải - Ngôi nhà gỗ năm gian, hai chái, lợp tranh. Hai gian ngoài được dành làm nơi dạy học của cụ ông. Do có lớp học trong nhà, cụ bà và hai con gái cũng biết ít chữ nghĩa.

... Năm sáu năm sau ngày về làng Chùa, Nguyễn Sinh Sắc trở thành một chàng trai khôi ngô, Hoàng Thị Loan, cô gái đầu lòng của cụ Hoàng Đường, cũng

dã khôn lớn. Cụ Hoàng bàn với cụ bà chọn Sắc làm con rể. Năm 1883, lễ thành hôn cho đôi trẻ được tổ chức tại làng Chùa. Đôi vợ chồng trẻ được ở riêng trong ngôi nhà tranh ba gian xinh xắn mới dựng bên cạnh nhà cha mẹ. Căn nhà đơn sơ nhưng bao giờ cũng ngăn nắp nhờ bàn tay chăm chỉ của người vợ trẻ. Hai người chung sống ở đây những ngày đầm ấm, với cảnh:

Sáng trắng trải chiếu hai hàng

Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ.

Hoàng Thị Loan kế thừa được những đức tính quý báu của cha mẹ. Cô siêng năng, giản dị, chăm lo làm tròn phận sự người con, người vợ.

Còn Nguyễn Sinh Sắc ngày đêm “dùi mài kinh sử” để đi thi. Dự kỳ thi Hương lần đầu ở Nghệ An, Sinh Sắc trúng nhị trường, lại học và đồng thời tìm nơi dạy học để có thêm điều kiện dạy dỗ con cái. Không khí trong gia đình đang ấm cúng thì cụ Hoàng Đường lâm bệnh qua đời.

Để an ủi mẹ già và đỡ đần vợ con, Nguyễn Sinh Sắc mở lớp học dạy ngay tại nhà và vẫn ôn luyện văn chương để chuẩn bị đi thi Hương lần thứ hai.

Khoa thi Hương Giáp Ngọ (1894) ông đậu Cử nhân. Bà con, họ hàng nội ngoại bàn việc tổ chức ăn mừng, nhưng ông viện cớ gia đình còn chịu tang để từ chối. Ông chỉ biện trầu rượu để báo tin mừng cùng làng xã. Đối với ông Cử Sắc, kỳ thi này là kỳ thi “báo hiếu” ân nhân của ông. Ông còn cố gắng học nữa để đậu cao

hơn cho thỏa vong linh người đã khuất và đền đáp công ơn vợ hiền.

Giữa năm 1895, ông Cử Sắc vào kinh đô Huế dự kỳ thi Hội khoa Ất Mùi, song không đậu. Ông xin vào học trường Quốc tử Giám. Vì học bổng ít ỏi, ông phải trở về quê bán với vợ cùng vào Huế để tạo điều kiện giúp đỡ ông học tập.

Lúc bấy giờ bà Hoàng Thị Loan đã có ba con, lớn nhất là cô chị Thanh mới 11 tuổi. Thanh ở lại với bà ngoại, để cho hai em trai là Khiêm và Cung, lớn mới 7 tuổi, bé vừa 5 tuổi, theo cha mẹ vào Huế.

Đó là lần “trẩy kinh” lần thứ nhất của cậu bé Nguyễn Sinh Cung.

Con đường ngàn dặm từ Vinh vào Huế quanh co hiểm trở, xuyên rừng, vượt núi. Đối với gia đình nghèo như gia đình ông Cử Sắc thì chỉ có phương tiện duy nhất là đi chân. Bà Loan phải vất vả lắm mới theo kịp mọi người. Bé Cung chạy lon ton theo sau anh Khiêm, nhưng chỉ được từng quãng, đành chịu để cha công. Núi đồi trập trùng, non xanh nước biếc, sông dài, cát trắng, biển bao la... phải đi bộ nửa tháng trời mới vượt được 400 kilômét.

Nhờ người quen giúp đỡ, ông Cử Sắc mượn được một gian nhà của trại lính bỏ trống từ lâu trong thành nội, tuy chật chội nhưng cũng đủ chỗ cho bà Loan đặt khung cử và chỗ học hành của cả ba cha con. Cuộc sống của cả gia đình trông nhờ vào bàn tay đảm đang và tần tảo của bà Loan.

... Tháng tám năm Canh Tý (1900), ông Nguyễn Sinh Sắc được cử đi làm sơ khảo ở trường thi Hương Thanh Hóa. Anh Khiêm được cùng đi với cha.

Sinh Cung ở lại với mẹ tại Huế. Trong lúc ông Sắc vắng nhà, bà Loan sinh thêm người con thứ tư là Nguyễn Sinh Xin. Bà lâm bệnh nặng. Nhiều người đã hết lòng giúp đỡ mẹ con bà Loan. Nhưng bà đã mất vào trưa ngày 22 tháng chạp năm Canh Tý (1901)....

Chỉ còn một tuần lễ nữa là đến Tết Nguyên đán, cậu Cung phải bế em đi xin sữa. Có những đêm bé Xin thiếu sữa, gào khóc thất thanh, làm Cung cũng khóc theo.

Được tin vợ mất, ông Nguyễn Sinh Sắc lập tức trở vào Huế. Không thể sống được với cảnh "gà trống nuôi con" giữa đất kinh thành, ông lại dắt diu, bế ẵm các con trở về xứ Nghệ...

Không bao lâu, kỳ thi Hội đã đến. Được sự động viên của bà con làng xã, ông Sắc lại vào Huế dự thi lần nữa. Trong thời gian này, bé Xin ở nhà bị ốm rồi mất.

Phần tư liệu Sơn ghi được đến đây là chấm dứt. Hòa đã chuẩn bị phần tiếp nối nên Sơn vừa ngừng, Hòa đã nói ngay. Có khác, chính là cách nói của Hòa. Dù rất thận trọng, Hòa vẫn thích nói tự nhiên hơn là đọc từ giấy. Tuy nhiên, Hòa vẫn không rời tập tư liệu đã chuẩn bị.

- Dự kỳ thi Hội lần này (năm Tân Sửu - 1901) ông Nguyễn Sinh Sắc đậu **Phó bảng**. Đó là một học vị dưới Tiến sĩ. Cùng đậu Phó bảng khoa này có ông Phan Châu Trinh.

Dân làng nô nức chuẩn bị trống cờ, vòng lọng đi rước quan Phó bảng Nguyễn Sinh Huy vinh quy bái tổ. Ông Nguyễn Sinh Sắc dự hội thi đổi tên là Nguyễn Sinh Huy, nhưng dân làng không quen tên mới vẫn gọi là Nguyễn Sinh Sắc.

Khi dân làng kéo đến cầu Hữu Biệt cách làng Chùa khoảng 4 kilômét thì gặp quan Phó bảng đi bộ từ Vinh trở về. Mọi người nổi trống, giương cờ lọng, mời quan Phó bảng lên vòng cho dân làng rước, nhưng ông một mực từ chối.

Tiền dự kiến tổ chức ăn mừng ông Phó bảng của xã là 200 quan. ông Sắc chỉ xin nhận 10 quan để mua trâu nước. Số còn lại, ông nhờ Hội đồng kỳ mục đem chia cho những gia đình nghèo trong làng Sen làm vốn sinh nhai. Lòng thương dân nghèo của ông làm cho mọi người khâm phục và kính nể.

Theo phép nước lúc bấy giờ, những vị đã đậu đại khoa, sau một thời gian về quê “vinh quy bái tổ” phải trở lại kinh đô chờ lệnh bổ nhiệm. Nhưng ông Sắc vẫn nấn ná ở quê nhà. Cái nhục mắt nước và cái cảnh nhốn nháo của quan trường làm cho lương tâm ông cắn rứt. Ông tìm cách “cáo ốm” với bề trên.

Năm Giáp Thìn - 1904, bà ngoại của ba chị em cô Thanh, cậu Khiêm, cậu Cung, cũng bệnh nặng và qua đời.

Mãi đến cuối tháng 5 năm 1906, không thể lần nữa mãi được, ông Nguyễn Sinh Sắc phải có mặt ở Bộ Lại của triều đình Huế. Bà con làng Sen rủ nhau đến chúc

mừng và chia tay ông. Ông nói: "Tôi đi, chưa chắc đã làm quan, mà nếu có làm quan chẳng nữa cũng chưa dám nói là lâu hay chóng!"

Ông giao cho con gái là cô Thanh chăm sóc vườn tược cửa nhà, còn hai con trai được chuẩn bị hành lý để cùng cha vào Huế.

Ba cha con ông Phó bồng vắn phải đi bộ.

Mười năm về trước, cậu bé Nguyễn Sinh Cung vào Huế, suốt chuyến đi gần như được cha công. Chuyến đi này cậu đã suýt soát một thanh niên. Đi đường, Cung luôn hỏi cha và anh mọi chuyện, nhất là lịch sử các triều đại, nào thời Trưng Trắc chống nhà Hán, nào thời Triệu Thị Trinh chống nhà Ngô... Hai anh em lại còn thi nhau đọc các áng hùng văn, "Hịch tướng sĩ", "Bình Ngô đại cáo", những bài thơ tứ tuyệt của Lý Thường Kiệt, của Trần Quang Khải...

Nghe con hỏi về Nguyễn Trãi, ông Nguyễn Sinh Sắc bao giờ cũng nghĩ suy, đôi mắt như hướng về khoảng không gian vô tận. Nguyễn Trãi, một thiên tài sáng ngời nhân nghĩa như vậy mà cuối đời lại bị bọn nịnh thần dẫn đến tai họa "tru di tam tộc".

Lên tới đèo Ngang, ba cha con dừng lại khá lâu trước cảnh núi non, biển cả vừa hùng vĩ, vừa thơ mộng. Bài thơ vịnh cảnh nổi tiếng của Bà Huyện Thanh Quan, chấm phá thật tài tình, nêu bật thiên nhiên, câu nào cũng tuyệt bút, nhưng chàng trai Nguyễn Tất Thành ứng nhất hai câu:

*... Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia...*

Còn người cha im lặng, trầm ngâm với hai câu kết:

*... Dừng chân đứng lại, trời non nước
Một mảnh tình riêng ta với ta!*



NHỮNG NĂM HỌC QUAN TRỌNG NHỮNG NGÀY TRẦN TRỞ

Trình bày đến đây, Hòa xin phép nghỉ giây lát. Hòa nói: **"Không phải tôi mệt, mà vì đoạn sắp tới nói về cuộc đời học sinh thật quan trọng đã khiến người thanh niên Nguyễn Tất Thành nhìn ra con đường cần đi tới của anh là gì... mà lúc ấy anh cũng chỉ trạc tuổi chúng ta lúc này thôi, lại rất đơn độc, rất thiếu thốn, rất bơ vơ!"**. Ngừng một lát, Hòa thật sự xúc động, nói tiếp, giọng nói trầm hẳn, nhưng anh chị em lại nghe rất thấm thía. Hòa nói: **"Tại sao Nguyễn Tất Thành có thể có đôi mắt sáng như vậy được? Đúng là một thanh niên xuất chúng!"**... "Các bạn cho Hòa mạn phép bộc lộ tình cảm mạo muội. Hòa đọc tư liệu đến những trang về cuộc đời đi học và dạy học của chàng trai Nguyễn Tất Thành, thì Hòa không khỏi không liên hệ đến chúng ta lúc này..."

- Vào tới Huế, tạm thu xếp cho nơi ở xong, ba cha con đi viếng mộ bà Hoàng Thị Loan. Bao nỗi nhớ thương, đau xót...

Nơi ở chật hẹp, nhưng Tất Thành vẫn thấy thiếu khung cửa dệt vải của mẹ xưa kia, nhất là bông dăng mẹ ngồi dệt khuya đêm với tiếng đều đều của những đọt thoi đưa.

Ông Phó bâng lo xin cho các con vào học trường tiểu học Pháp-Việt Đông Ba vào tháng 9 năm 1906, ở Thừa Thiên. Chợ Đông Ba đã dời ra ngoài bãi từ năm 1899, cái đình chợ được tu bổ để làm trường học.

Lúc ấy học trò đến lớp đều phải mang linh kính cả bút sắt lẫn bút lông và nghiền mực nho vì nhà trường vẫn cho học mỗi tuần mấy giờ chữ Hán, ngoài chữ Pháp và quốc ngữ. Càng lên lớp trên, chữ Hán càng thưa dần, chữ Pháp tăng hẳn lên.

Hai anh em Tất Thành có ưu thế về chữ Hán. Còn chữ Pháp thì dĩ nhiên họ khó mà giỏi hơn các bạn con những quan to hay công chức của Pháp.

Tuy vậy, vốn thông minh, lanh lợi, khi thầy giáo bảo cả lớp dịch câu tiếng Pháp: "Ô chat! Ô chat! Ô chat! Voulez-vous manger le rat, montez sur la poutre" (Ý là: Này mèo, này mèo, này mèo, muốn ăn chuột thì trèo lên xà nhà). Tất Thành đã sử dụng vốn dân ca của quê hương phụng vái dịch thành câu lục bát như sau:

Con mèo! Con mèo! Con meo!

Mày muốn chén chuột thì leo lên xà

Vần điệu rất đúng mà ý rất hóm hỉnh qua việc dùng dấu cho mấy chữ "mèo, mèo, meo" chữ không để nguyên một từ "mèo" là "chal" của tiếng Pháp.

Học hết giờ ở lớp, Tất Thành còn chịu khó tới nhà thầy xin học thêm tiếng Pháp. Kỳ thi tốt nghiệp niên khóa 1906-1907, Tất Thành là một trong những thí sinh có điểm cao.

Lần vào Huế thuở nhỏ, cậu bé Sinh Cung phải giúp

me, trông em, tâm trí đau mà nghĩ đến kinh thành. Lần này có thời giờ hơn, anh học trò Tất Thành mới chú ý đến vẻ đẹp của Huế.

Dòng Hương Giang trong xanh, êm đềm, như giải lụa giữa lòng kinh đô, mặt nước in hình đồi núi, phố xá đẹp như bức tranh thủy mặc.

Huế lại còn núi Ngự Bình, sánh với dòng sông Hương, tạo nên một thắng cảnh thiên nhiên thơ mộng. Cách núi Ngự Bình không xa, về phía tây có núi Ba Tàng, nơi người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ lập đàn Nam Giao làm lễ lên ngôi Hoàng đế Quang Trung (25 tháng 11 Mậu Thân - 1788) rồi xuất phát từ Phú Xuân, hành quân thần tốc ra Thăng Long, đánh tan 29 vạn quân Thanh xâm lược vào đầu năm 1789.

Huế còn đẹp bởi cung điện, đền đài, miếu mạo, thành quách nguy nga mang sắc thái Phú Xuân của nền văn hóa Việt Nam. Phía hữu ngạn sông Hương là khu vực các lâu đài kiến trúc âu tây và khu dinh thự hành chính của chính quyền "bảo hộ" Pháp...

Nhưng trong các cung điện vàng son, lầu vàng gác tía kia, cô biết bao chuyện phế lập rồi ren, phức tạp mà ngay một lúc chàng trai Tất Thành không sao hiểu được.

Năm Tất Đạt ra đời (1888) chính là năm vua Hàm Nghi bị bắt và bị giặc đày sang Algeria vì ông cự tuyệt mọi thủ đoạn dụ dỗ của chúng.

Còn suốt thời gian ấy đến 1906 là dưới triều vua Thành Thái, một ông vua yêu nước mang tâm trạng u

uất đã 18 năm trời vì luôn luôn phải sống trong tình trạng bị Tòa Khâm sứ Pháp kiểm chế.

Vào Huế lần này, mới mấy tháng mà Tất Thành đã biết nhiều chuyện về vị vua này, nhà vua đã từng nuôi dưỡng cả một đội quân mới trong thành, bao gồm cả đội nữ kỵ binh, ngày ngày tập tành, múa đao, phi ngựa, bắn súng.

Có câu chuyện về cầu Trường Tiền lúc mới khởi công bắc qua sông Hương, lão khâm sứ cười bảo vua Thành Thái: "Bao giờ cái cầu này gãy thì Nhà nước bảo hộ sẽ trả lại xứ An nam cho bề hạ". Ai dè bốn năm sau khi cầu hoàn thành, một trận bão xô ngã nhিপ cầu đầu tiên. Nhà vua hỏi tên khâm sứ: "Thế nào? Cái cầu nó gãy rồi đấy, thưa ngài". Lão khâm sứ tái mặt...

Nhưng rồi một hôm, Tất Thành được thân phụ báo tin bất ngờ: - Vua Thành Thái đã bị truất ngôi và bị đưa đi đày biệt xứ! Người ta bảo vì nhà vua bị điên!

Ông Nguyễn Sinh Sắc hiểu rằng các con quan tâm đến các sự kiện đã xảy ra, không bàn luận gì thêm, chỉ nhắc các con cần giữ thái độ bình thường và cứ tiếp tục học hành.

Riêng ông, từ khi nhận việc ở Bộ Lễ, tuy bề ngoài vẫn giữ vẻ hòa nhã với mọi người, nhưng thực lòng rất buồn phiền.

Với Nguyễn Tất Thành, mùa hè năm 1907 là một kỳ nghỉ hè để lại nhiều kỷ niệm sâu sắc. Phong trào kháng Pháp, duy tân đất nước đang nẩy lộc đâm chồi.

Phong trào Đông du của Phan Bội Châu đang cuốn hút những trái tim yêu nước từ Bắc chí Nam. Thơ văn của ông như xoáy vào gan ruột mọi người dân hừng hực lửa căm thù, có sức cổ vũ mãnh liệt tinh thần đoàn kết, quyết tâm cứu nước, cứu nhà. Phan Bội Châu tiêu biểu cho xu hướng bạo động. Ông chủ trương dựa vào sự giúp đỡ của nước ngoài để đánh đuổi giặc Pháp.

Cũng trong thời điểm này (1906-1907) một xu hướng khác nảy sinh: đó là xu hướng ôn hòa, đứng đầu là Phan Châu Trinh, người đẩu đồng khoa với ông Nguyễn Sinh Sắc. Ông Phan Châu Trinh phản đối chủ trương bạo động của ông Phan Bội Châu, nên đã cùng các sĩ phu tiến bộ khác như Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp... dấy lên một cuộc vận động duy tân ở Trung kỳ, bao gồm nhiều mặt về kinh tế, văn hóa, xã hội.

Đồng thời với hai phong trào kể trên, ở Bắc kỳ vào tháng 3-1907, trường Đông kinh Nghĩa thực được thành lập và nhanh chóng nhân ra nhiều tỉnh ở Bắc kỳ, thu hút đông đảo quần chúng. Đông kinh Nghĩa thực không chống lại chủ trương bạo động của Phan Bội Châu, hơn thế, còn tích cực vận động cho phong trào Đông du.

Thời gian ấy ở Huế có rất nhiều thơ văn yêu nước cổ động duy tân đất nước của cả ba phong trào đó. Nguyễn Tất Thành được đọc nhiều bài hấp dẫn, gây xúc động lớn. Nhờ hỏi ở làng Sen, anh tập làm bài phú "săn cuốc" cũng có nhiều ý giống bài "Cuốc kêu" mà anh rất thích.

*"Nước Việt Nam có con cuộc cuộc,
Cả mùa hè kêu suốt ngày đêm
Kêu nòi giống, gọi anh em
Dựng xây quốc thái, báo đền gia hưng,
Cuộc! Cuộc! Cuộc! Chạy cùng sông núi
Kêu quốc hồn và gọi quốc dân
Nhấn nhe nòi giống xa gần
Có thương nhau hãy quây quần lấy nhau..."*

Từ những phong trào đó nảy sinh bao nhiêu cuộc tranh luận sôi nổi trong giới trí thức, học sinh. Tất Thành hằng say bàn tán, tìm hiểu, có khi quên ngủ, quên ăn về những điều mới lạ đó. Anh lại đọc được nhiều sách quý. Ở Huế, từ vài năm qua xuất hiện nhiều sách báo như Tân thư, Tân văn, chứa đựng nhiều kiến thức mới, bao gồm những tri thức về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.

Năm học 1907-1908, hai anh em Tất Đạt, Tất Thành thi vào trường Quốc Học Huế và cùng trúng tuyển. Đây là trường Quốc Học đầu tiên và lớn nhất ở xứ Trung kỳ. Yêu cầu số một về kiến thức là phải nắm vững ngữ pháp tiếng Pháp để làm công việc hành chính.

Nguyễn Tất Thành không thể ngờ được rằng, ông đốc học của trường, tên là Loghiu lại có tiền án là tù binh của nghĩa quân Hoàng Hoa Thám. Hàng ngũ giáo viên lại lắm kẻ thô bạo với học sinh. Tên Louis Péchaud, dạy môn khoa học thường thức có hôm mắng học sinh là "cochon" (đồ lợn), lập tức cả lớp đứng dậy phản

đối, bỏ giờ không học. Lần ấy, y bị cấp trên khiển trách.

Mặc dầu trong trường có những chuyện đáng buồn, Tất Đạt, Tất Thành vẫn tuân theo lời cha, cố gắng học hành chăm chỉ. Tất Thành còn mượn nhiều sách báo về để mở mang kiến thức.

Nhưng làn sóng duy tân đang dâng lên trong kinh thành Huế đã cuốn hút tâm trí Nguyễn Tất Thành.

Ông Nguyễn Sinh Sắc không những không ngăn cản con tham gia cuộc vận động duy tân, mà chính ông rất tán thành mặt tích cực này của ông Phan Châu Trinh.

Thực dân Pháp bắt đầu sợ phong trào Duy Tân và Đông kinh Nghĩa thực.

Tháng 11-1907, trường Đông kinh Nghĩa thực Hà Nội bị đóng cửa. Nhưng ba tháng sau, một phong trào nông dân dữ dội đã bùng ra ở Trung kỳ. Riêng tỉnh Quảng Nam, nông dân bị hà hiếp quá đã nổi lên biểu tình "xin xâu" (xin giảm ngày làm phu). Từ Quảng Nam, phong trào tràn vào Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và cuốn ra Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh. Tại Huế, lúc ấy học sinh trong các trường chỉ mong chóng tan học để đổ ra đường phố.

Khi Nguyễn Tất Thành cùng một toán học sinh nhập vào đoàn biểu tình thì được chứng kiến cảnh tên phủ doãn Trần Trăm khập khểnh đang bị điệu đi đầu đoan, rồi bọn lính khố xanh xộc đến dùng gậy nện lới tấp lên đầu mọi người để giải vây.

Mấy hôm sau các cuộc biểu tình vẫn tiếp tục. Thực

dân Pháp bắn chết và làm bị thương nhiều dân vô tội. Có người liều mạng lao vào bọn lính, ôm lấy chúng rồi cùng lăn xuống sông Hương mà chết.

Sau vụ biểu tình ở Thừa Thiên, nhiều văn thân bị xử tử hoặc bị đày biệt xứ. Ở Nha Trang, giặc Pháp xử chém ông Huấn đạo Trần Quý Cáp, một nhà nho thanh cao, ai cũng kính phục, sau 24 tiếng đồng hồ kể từ khi chúng bắt ông. Chúng còn lợi dụng dịp này, để trừ khử các nhà ái quốc Việt Nam. Rất nhiều người bị đày ra Côn Đảo.

Cuộc khủng bố dã man của thực dân Pháp trong phong trào Duy Tân và phong trào chống thuế ở Trung kỳ gây ấn tượng sâu sắc đối với Nguyễn Tất Thành. Anh nhận thức được bao điều mới mẻ. Anh thấy rõ sức mạnh hợp quần của nhân dân. Hành động của dân chúng đã vượt ra ngoài tầm lãnh đạo của các sĩ phu tiến bộ. Vậy phải làm thế nào cho các cuộc đấu tranh của nông dân không dẫn tới chết chóc, tù đày, làng xóm khỏi bị triệt phá tan hoang? Đó là câu hỏi làm cho Tất Thành nhiều đêm trăn trở.

Cuối tháng 6-1908, vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội mở đầu cho cuộc mưu đánh úp Hà Nội của nghĩa quân Hoàng Hoa Thám bị vỡ lở. Thực dân Pháp điên cuồng đàn áp, xử chém một số người, bêu đầu dọc đường... Qua sự kiện này, Nguyễn Tất Thành thấy rõ ý chí quật cường của dân tộc Việt Nam.

Hàng ngày tới lớp học, Nguyễn Tất Thành cũng trông thấy hai hàng chữ Pháp ở hai bên vách lớp:

Une âme saine dans un corps sain (một tâm hồn trong sáng trong một thân thể tráng kiện).

Liberté, Égalité, Fraternité (Tự Do, Bình Đẳng, Bác Ái)

Câu trên dễ hiểu đối với anh, còn mấy tiếng “Tự do, Bình đẳng, Bác ái” đã làm rung động trái tim anh ngay từ hồi mới bước chân vào trường tiểu học Pháp-Việt. Học lịch sử nước Pháp, nghe thầy giáo nhắc đến ba từ thiêng liêng đó, Nguyễn Tất Thành càng muốn đi sâu vào tìm hiểu nguồn gốc phát sinh và ý nghĩa sâu xa của nó. Từ đó, anh rất ham học lịch sử thế giới và để ý nghiên cứu kỹ nhất là cuộc cách mạng nước Pháp năm 1789. Anh còn bỏ công tìm cho ra những tác phẩm của các nhà văn, nhà triết học Pháp của thế kỷ Ánh sáng: như Voltaire, Montesquieu, Rousseau. Đọc những tác phẩm của họ, anh thấy toát lên tinh thần phê phán chế độ chuyên chế, lòng thiết tha yêu tự do, khát khao đời sống bình đẳng, bác ái. Tuy vậy, còn nhiều vấn đề làm anh khó hiểu. Anh phải mượn các loại sách chữ Hán, chữ Pháp và quốc ngữ để đối chiếu mong hiểu được những luận điểm cơ bản của các nhà khai sáng Pháp.

Thu hoạch đáng kể đầu tiên của Nguyễn Tất Thành là ý thức chống phong kiến, phủ nhận vua, vốn đã nhú mầm trong anh, được phát triển. Hơn nữa, thái độ căm giận của thân phụ anh đối với những ông vua “lôi tớ giặc” và thái độ lên án mạnh mẽ triều đình nhà Nguyễn của Phan Châu Trinh làm cho anh đi dần đến chỗ đoạn tuyệt với chế độ phong kiến.

Càng tìm hiểu những gì ẩn giấu đằng sau những từ

“Tự do, Bình đẳng, Bác ái”, Nguyễn Tất Thành càng đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào, càng băn khoăn day dứt về vận mệnh dân tộc Việt Nam.

Lê nào con Lạc cháu Hồng phải chết mòn, chết dần dưới gót giày đình của thực dân Pháp?

Không, không thể được!

Nhưng làm thế nào đây?



BÁC RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

Câu hỏi ở phần cuối của đoạn tư liệu, tưởng như cũng là câu hỏi chung cho tất cả các bạn đang lắng nghe. Các bạn nhìn nhau rồi vẫn dán mắt vào Hòa, nửa định trả lời, nửa muốn nghe ngay phần tiếp.

Hòa nâng ly nước nhưng cứ cầm mà chưa uống.

Phần tiếp theo, thấy Hòa ghi nét viết đỏ **“Ra Đi Tìm Đường Cứu Nước”** thật nắn nót và tô thật đậm.

Tháng 5 năm 1908, Nguyễn Tất Thành tham gia cuộc biểu tình của nông dân 6 huyện tỉnh Thừa Thiên đòi giảm phu đài tạp dịch sưu cao thuế nặng. Rồi anh không học ở trường Quốc Học nữa. Anh bắt đầu nung nấu một hoài bão lớn: tìm ra con đường giải phóng dân tộc Việt Nam.

Con đường của hai người tiêu biểu đang đi là Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh. Hai người đều là bạn thân của thân phụ anh và đều mến anh. Từ bé, anh vốn rất kính trọng và muốn noi gương hai ông.

Ông Phan Châu Trinh là bạn đồng khoa với thân phụ anh. Ông cũng từng giữ chức thừa biện bộ Lễ. Anh

tán thành thái độ chí trịch thẳng thừng của ông đối với vua tôi nhà Nguyễn. Một điều nữa làm cho Nguyễn Tất Thành hâm mộ ông Phan Châu Trinh, đó là cuộc vận động duy tân do ông khởi xướng. Chính anh đã hằng hái tham gia phong trào đó.

Nhưng cái thuyết “Ý Pháp cầu tiến bộ” tức là “dựa vào Pháp để tiến bộ” của ông thì anh thấy còn ngờ ngợ, phân vân. Sau những cuộc đàn áp đẫm máu của Pháp đối với phong trào Duy Tân, Đông kinh Nghĩa thực và phong trào chống thuế, bọn thực dân kết án ông vào tội tử hình, sau nhờ có sự can thiệp của một lãnh tụ đảng Xã hội Pháp mà chuyển thành án tù đầy đi Côn Đảo.

Còn ông Phan Bội Châu, người đồng hương thân thiết của gia đình anh, người đã lừng lẫy tiếng tăm, vào nam ra bắc, đưa hàng trăm thanh niên đi du học để mưu tính công cuộc giải phóng Tổ quốc - kỳ vọng của ông là dựa vào Nhật. Chủ thuyết của ông là “đánh giặc phục thù, mà thủ đoạn là bạo động”.

Về thuyết “bạo động”, Tất Thành tin là đúng, nhưng anh không tin ở chủ trương dựa vào một ông “Hoàng” và nhờ sự giúp đỡ của Nhật Bản.

Đối với Phan Bội Châu, ông Nguyễn Sinh Sắc có thể giao phó hai con mình cho bạn dìu dắt. Nhưng khi ông Phan Bội Châu cho người về nước đưa Nguyễn Tất Thành sang Nhật, anh Thành đã từ chối.

Cách nhìn của Nguyễn Tất Thành nhanh chóng được chứng minh là đúng: ông Phan Bội Châu bị “ông

anh cá đa vãng” mưu toan bán rẻ cho Pháp. Giữa năm 1908, cảnh sát Nhật đột nhiên xộc vào trường “Đồng Văn thư viện” nơi học sinh Việt Nam đang học. Họ ghi tên tuổi, quê quán của từng người rồi tuyên bố: “Theo lời yêu cầu của Công sứ Pháp, mỗi học sinh phải tự tay viết một bức thư gửi về nhà, do cảnh binh Nhật đem bỏ bưu điện. Nếu không, cảnh binh Nhật sẽ đem học sinh Việt Nam nộp cho Công sứ Pháp”.

Bị phản bội bất ngờ, ông Phan Bội Châu tìm kế tri hoãn, không cho học sinh về nước. Tháng 10-1908, chính phủ Nhật ra lệnh giải tán trường Đồng Văn thư viện, hạ lệnh trục xuất Cường Để phái rời nước Nhật trong 24 tiếng đồng hồ và Phan Bội Châu trong một tuần.

Phong trào Đông du lâm nguy, thì nghĩa quân Hoàng Hoa Thám cũng bị tấn công dồn dập. Cuộc chiến đấu kiên cường suốt 20 năm rốt cuộc bị thất bại.

Còn ông Nguyễn Sinh Sắc thì bị chuyển đi nhận một công việc khác ở Bình Khê, một nơi trước đây là đất Tây Sơn đầy nghĩa, sau khi vua Quang Trung mất thì Nguyễn Ánh đã tàn phá vùng này. Dân có truyền thống thương võ, song không ít phản tử lực lâm giang hồ.

Ông Nguyễn Sinh Sắc không bị bất ngờ đối với hình phạt này, thừa hiểu “Nhà nước” chỉ mong có dịp để tri ông.

Nguyễn Tất Thành cùng anh Tất Đạt lên Bình Khê thăm cha. Anh càng thương cha hơn nhưng không thể ở lại cùng cha được.

Sau khi chia tay cha, Nguyễn Tất Thành ở nhà ông Phạm Ngọc Thọ, chuẩn bị cho một chuyến đi xa. Nguyễn Tất Thành định ra đi sớm hơn nhưng ông Thọ bàn với anh nên chậm lại chờ ông đi vào Nam một thể. Ông đã có lệnh chuyển từ trường Pháp Việt ở Bình Định vào dạy học ở Phan Thiết.

Đến thị xã Phan Thiết, ông Phạm Ngọc Thọ chia tay với người bạn đường về trường mới. Còn Tất Thành nhờ có sự giới thiệu của ông Trương Gia Mô và ông Hồ Tả Bang (bạn cũ của ông Phó bắng) anh được vào dạy học ở trường Dục Thanh.

Trường Dục Thanh được xây dựng năm 1908 ở trung tâm thị xã Phan Thiết. Xưa kia, nơi đây là xóm ngư dân, cây cối um tùm. Trường nằm trong vùng nhà đất của cụ Nguyễn Thông, một nhà thơ yêu nước, đồng thời là nhà nghiên cứu giáo dục, lịch sử, địa lý.

Trường Dục Thanh dạy theo lối mới, kiểu Đông kinh Nghĩa thực, coi trọng quốc ngữ, đồng thời có dạy chữ Pháp và chữ Hán. Học sinh được giáo dục toàn diện cả về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, thể thao, thể dục, văn nghệ. Do đó trường Dục Thanh được coi là một trường tư tiến bộ nhất ở miền Trung nước ta thời bấy giờ.

Thầy giáo Nguyễn Tất Thành được phân công dạy Hán văn và quốc ngữ ở lớp nhì. Là giáo viên trẻ nhất trường, thầy còn được phụ trách thể dục buổi sáng và hướng dẫn học sinh tham quan thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.

Mỗi buổi sáng, khi trời vừa rạng đông, thầy Thành đã gọi học sinh ra sân tập thể dục. Tiếng hô vang dậy một vùng.

Thầy Nguyễn Tất Thành luôn luôn khích lệ các em đọc sách, nhất là những loại sách giáo dục nhân cách và lòng yêu nước thương dân.

Đối với những học trò lớn tuổi, thầy cho đọc những tác phẩm văn học nổi tiếng của Pháp.

Ngoài những lúc dạy học, thầy Thành còn tiếp xúc với mọi người, góp tiền xây dựng tủ sách nhà trường và vận động học sinh góp thêm sách cho thư viện.

Thầy là một tấm gương về tình thương yêu học sinh và lòng say mê học hỏi.

Trong trường, ban ngày càng nhộn nhịp vui vẻ bao nhiêu thì đêm khuya càng vắng lặng, tĩnh mịch bấy nhiêu. Phía sau nhà cụ Nguyễn Thông có hồ sen, hương thơm man mác làm cho Nguyễn Tất Thành lại xốn xang nhớ làng Sen, nhớ Huế...

... Thế rồi, một sáng mùa xuân năm 1911, thầy trò trường Dục Thanh không còn nghe tiếng còi tập thể dục của thầy giáo Nguyễn Tất Thành nữa. Thầy đã ra đi từ bao giờ... Trong phòng chỉ còn lại vài dòng tạm biệt. Thế là thầy đã đi xa.

Trong khi thầy trò trường Dục Thanh đang bàng khuâng vì nỗi chia ly bất ngờ, thì Nguyễn Tất Thành đã đặt chân lên xứ "Nam kỳ trực trị".

Đến thành phố Sài Gòn. Nguyễn Tất Thành bắt

đầu làm quen với những điều mới lạ của đất “trực trị” thuộc Pháp. Nhịp sống hối hả, căng thẳng.

Đời sống cực khổ dưới ách cai trị trực tiếp của thực dân Pháp làm cho tinh thần quật khởi của đồng bào Nam kỳ càng thêm mạnh mẽ.

Để sống và tìm cách đi ra nước ngoài, Nguyễn Tất Thành phải làm nhiều công việc lao động chân tay trên đất Sài Gòn. Nơi anh thường tạm trú và qua lại nhiều là vùng cảng Nhà Rong. Đó là cảng sông. Gọi là “Nhà Rong” vì ở đây, trên nóc ngôi nhà của Sở đại lý hàng hải Pháp có đắp hai con rồng chầu mặt trời.

Nguyễn Tất Thành rất chú ý đến các hàng tàu. Có hai công ty tàu biển lớn chạy đường Pháp - Đông Dương. Đó là hãng Messagerie Maritime còn gọi là hãng “Đầu ngựa” và hãng Chargeurs Réunis còn gọi là hãng “Năm Sao”. Hãng Năm Sao có dán nhiều quảng cáo in bằng hai thứ tiếng Pháp và Hán, ghi hành trình: Sài Gòn, Tourane, Hải Phòng, Singapore, Colombo, Djibouti, Port Said, Marseille, Bordeaux, Le Havre, Dunkerque...

Nguyễn Tất Thành còn biết một điều hấp dẫn là hãng Năm Sao có tuyển “bồi An Nam” để phục vụ khách trên tàu.

Trưa ngày 2 tháng 6 năm 1911, Tất Thành ra bến Nhà Rong. Tàu của hãng Năm Sao từ Tourane vừa cập bến. Anh lên thẳng tàu Amiral Latouche Tréville, xin việc làm. Anh gặp ba người Việt Nam làm việc ở phòng ăn. Anh thấy họ cười và nói nhỏ với nhau điều gì đó.

Anh đoán họ nghĩ: “Một người mảnh khảnh như thế thì có thể làm được công việc gì trên tàu?”. Nhưng một người đã ân cần vỗ vai anh và bảo: “Đi theo tôi, tôi sẽ dẫn cậu đến gặp chủ tàu. Có lẽ ông ta sẽ có việc cho cậu làm”.

Thấy anh, chủ tàu tên là Louis E. Michell hơi ngần ngại vì đứng trước mặt ông là một chàng trai cao gầy, có dáng học trò hơn là một người lao động, nhưng vẻ mặt rất khôi ngô. Ông ta hỏi:

- Anh có thể làm việc gì?
- Tôi có thể làm bất cứ việc gì!

Nghe câu trả lời dứt khoát, cả quyết, đầy tự tin của chàng trai, chủ tàu hứa:

- Được, ta sẽ lấy anh làm phụ bếp, sáng mai anh đến đây nhận việc.

Tảng sáng hôm sau, ngày 3 tháng 6 năm 1911, Nguyễn Tất Thành với tên mới là Văn Ba được nhận vào làm việc trên tàu. Viên chủ tàu đã giữ lời hứa, giao cho Văn Ba làm phụ bếp.

Là phụ bếp, mỗi ngày anh phải thức dậy trước 4 giờ sáng và từ đó đến 9 giờ tối, anh phải làm quần quật hết công việc này đến công việc khác; suốt ngày, người đầm mồ hôi và bụi than. Tuy làm việc quá sức nhưng anh vẫn ôn tồn, nhẫn nại và vui vẻ. Sau chín giờ tối, công việc xong, mọi người tùm tùm đánh bài, còn anh Ba lại miệt mài đọc và viết đến khuya...

Ngày mùng 5 tháng 6 năm 1911, sau khi điểm

danh đủ 72 thủy thủ và nhân viên trên tàu và xin dấu chứng nhận vào sổ tàu, con tàu **Amiral Latouche Tréville** được phép kéo một hồi còi dài, rời bến Nhà Rồng đi Singapore... sang Pháp.

Nguyễn Tất Thành nhìn đắm đắm vào bờ như muốn khắc sâu vào tâm trí hình ảnh cuối cùng trước giây phút tạm biệt quê hương muôn vàn yêu dấu!



NHỮNG NĂM THÁNG BÁC Ở NƯỚC NGOÀI

Từ phần này - Hòa nói - chúng ta sẽ nghe anh Huỳnh trình bày những gì anh thấu tóm qua những trang sách biên soạn thật hệ thống, hoặc rất mới về **những năm tháng “Người thanh niên Nguyễn Tất Thành ở các nước; và những chặng đường Người trở về Tổ quốc”**.

*Có điều gì chúng ta cần trao đổi về toàn bộ cuộc sinh hoạt này, hoặc từng phần, chúng ta sẽ bố trí nhiều dịp khác nữa; vì càng nghiên cứu kỹ, chúng ta càng học tập muôn vàn điều hữu ích, giúp chúng ta sống, làm việc theo gương Bác Hồ vĩ đại, để được xứng đáng là thế hệ con, cháu **Người**, xứng đáng là thanh niên **Việt Nam** kiên cường, sáng tạo, bất khuất.*

Anh Huỳnh là sinh viên khoa Sử. Anh thường tham gia viết nhiều bài báo. Điều mà anh cho là may mắn hơn các bạn trẻ khác là được tham khảo, nghiên cứu đều đặn các tài liệu, sách báo, được làm bài trong lớp học, được viết bài cho báo chí. Anh nói: “Nhưng về “Hồ Chủ tịch” thì nghiên cứu bao nhiêu tài liệu cũng chưa đủ, phát biểu bao nhiêu suy nghĩ cũng chẳng thấm vào đâu. Các bạn cho tôi thêm một dịp may là

ôn tập các bài tôi đã học thôi. Mỗi chúng ta cần luôn luôn đọc thêm nhiều sách, báo, nghe thêm nhiều cuộc trình bày và cùng nhau trao đổi về từng điểm từ cuộc sống của Bác. Nếu có được một tủ sách báo, tài liệu riêng về Bác thì quý lắm”.

Anh cầm luôn cuốn **“Từ điển Hồ Chí Minh”**, mở phần đã gài sẵn dấu trang cần trình bày, nói tiếp:

- Tàu Amiral Latouche Tréville của hãng Năm Sao rời cảng Nhà Rồng ngày **5 tháng 6 năm 1911** để sang Pháp. Người thanh niên Nguyễn Tất Thành bắt tay ngay vào công việc không để dang chút nào đối với anh, một thanh niên gầy, mảnh, chưa hề quen sóng gió biển khơi. Phụ bếp có nghĩa là làm đủ mọi việc mà người bếp trưởng cần, từ xúc than vào lò lửa, từ rửa chén đĩa, đến nhặt rau, mổ cá, chặt thịt, đến bày bàn, bưng bê các món ăn, rót rượu... lên lên xuống xuống cầu thang, vội vã, nhanh nhẹn, không làm đổ vỡ, rây rột... đúng giờ, đúng việc, lúc nào cũng cần mẫn, tươi tỉnh, sạch sẽ, gọn gàng, lanh lợi.

Khi đã có chí, đã quyết tâm, mọi khó khăn đều có thể vượt qua, mà nhất định phải vượt được. Phải sang tới Pháp. Quyết không vì một sơ sẩy nào để bị đuổi lên một bến bờ không định trước. Mục tiêu là nước Pháp kia!

Có lẽ mấy câu mà thanh niên chúng ta không ai là không khắc sâu trong tâm khảm:

*“Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền*

Đào núi và lấp biển

Quyết chí ắt làm nên"¹⁾

đã thấm sâu trong lòng Bác là từ hồi anh thanh niên Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước, này chăng?

Hơn một tháng sau, ngày 6 tháng 7 năm 1911, tàu cập bến Marseille. Khó có ai đi cùng chuyến tàu ấy hiểu nổi người phụ bếp có tên "Ba" gầy gò nhường kia lại thắng nổi sóng gió đại dương, vất vả, cực nhọc hàng tháng lênh đênh, lại tỉnh táo đến vậy khi thấy một bến bờ lạ hoắc.

Anh lần mò đến thị trấn Saint Adresse, gần Le Havre, tìm được một chân làm vườn. Cuộc đất, trồng rau vốn dĩ quen tay hơn nghề phụ bếp trên tàu biển. Nhưng đó cũng chỉ là một cách đối phó trong thời gian đầu nơi đất khách. Chỉ tháng 9 năm ấy, Nguyễn Tất Thành đã tới được Paris, thủ đô nước Pháp. Nhưng xin vào học trường Thuộc địa không được, anh lại đành hỏi việc làm ở hãng tàu Năm Sao, lênh đênh biển cả một chặng dài nữa, đi qua bao hải cảng một số nước châu Âu, châu Phi. Chuyến đi ấy không vô ích. Tiếp xúc với những người ngoại quốc trên tàu, anh đã học thêm ngôn ngữ. Tới một bến bờ xa lạ, anh có dịp biết thêm dân cư và địa phương, nhất là những người bản xứ cùng khổ của các cảng châu Phi, tích lũy thêm

1. Trung tuần tháng 5-1950, trên đường đi chiến dịch Biên giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh ghé thăm một đơn vị thanh niên xung phong đang làm đường phục vụ chiến dịch, Người đã làm bài thơ này tặng thanh niên.

nhiều hiểu biết về con người, về tập tục, các chế độ chính trị... Thời gian này, Nguyễn Tất Thành có dịp đi vòng quanh châu Phi, ghé nhiều bến cảng một số nước như Algérie, Tunisie, Congo, Dahomey, Sénégal, đảo Réunion... Cho nên sau đó, trong thời gian hoạt động tại Pháp (1917-1923) Người rất quan tâm đến đời sống các dân tộc ở các nước thuộc địa châu Phi.

Năm 1914, Nguyễn Tất Thành sang nước Anh, cư ngụ tại nhà số 8 phố Stephen Tottenham, London, cũng có lúc Người ở tại nhà số 10 Quảng trường Orchard, Southampton. Thời gian này, Người rất vất vả với cuộc sống tự lập nơi xa lạ về mọi mặt. Những việc làm nặng nhọc và đơn điệu như quét tuyết, Người nhận với trường học ở London. Đã làm việc đốt lò, phụ bếp ở tàu biển, Người sẵn sàng nhận các công việc đó ở khách sạn Trayton Court và khách sạn Carlton. Cuộc sống cực kỳ khó khăn nhưng người thanh niên đầy chí khí ấy không ngừng theo dõi tình hình chính trị, quân sự của các nước châu Âu, nhất là ở châu Á và Việt Nam. Người dự đều các cuộc diễn thuyết ngoài trời của nhiều nhà chính trị, triết học và còn tham gia **Hội những Người Lao động Hải ngoại**.

Tháng 6 năm 1917, Người trở lại Pháp, tạm trọ ở khách sạn một thời gian, trước khi đến ở tại nhà của luật sư Phan Văn Trường, số 6 đường Villa des Gobelins, có thể là từ cuối năm 1917.

Luật sư Phan Văn Trường - sinh năm 1887 - lúc đó làm luật sư ở Paris, là người cùng hoạt động với Phan Châu Trinh, có uy tín trong giới Việt kiều yêu nước ở



*Bến cảng Nhà Rồng đầu thế kỷ XX,
nơi Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc đi tìm đường cứu nước.*

Pháp. Tháng 9 năm 1914, Phan Văn Trường bị chính quyền Pháp bắt giam một thời gian vì cho rằng ông âm mưu tổ chức nổi dậy ở Đông Dương.

Nguyễn Tất Thành quen biết Phan Văn Trường từ trước năm 1914. Qua thư gửi từ Anh sang Pháp cho Phan Châu Trinh năm 1914, Nguyễn Tất Thành có hỏi thăm Phan Văn Trường. Trở lại Pháp năm 1917, sau khi ở trọ khách sạn, Nguyễn Tất Thành đã tới ở tại nhà Phan Văn Trường. Người được Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường và một người nữa có tên Khánh Ký giúp đỡ về vật chất. Năm 1919, khi soạn thảo bản "Yêu sách của nhân dân An Nam" để gửi đến hội nghị Versailles, Người đưa ra những ý kiến yêu cầu nhờ Phan Văn Trường viết hộ vì lúc bấy giờ Người viết tiếng Pháp chưa được chuẩn. Cho đến năm 1920, Phan Văn Trường còn giúp đỡ Người sửa chữa Pháp văn những bài viết cho báo. Phan Văn Trường và Người có nhiều liên hệ cho đến khi Người rời nước Pháp (1923). Sau

khi về nước. Phan Văn Trường ra tờ báo "An Nam" ở Sài Gòn và cho trích đăng nhiều bài của báo "L'Humanité" (cơ quan của Đảng Cộng sản Pháp), đăng toàn văn "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" của Marx và Engels. Ông Phan Văn Trường mất năm 1934.

Nguyễn Tất Thành dời đến ở trong một căn buồng ở nhà số 9 hẻm Compoin ngày 14 tháng 7 năm 1921, sống bằng nghề thợ ảnh. Cuộc sống vẫn thanh đạm, thiếu thốn. Có những ngày mùa đông quá lạnh, Người phải hơ nóng gạch quán ngoài bằng báo hay giấy mảnh để ủ người hoặc gói đầu.

Ngày 14 tháng 3 năm 1923, Người lại rời sang ở tại trụ sở Hội Liên hiệp Thuộc địa, số 6 đường Marché des Patriarches cho tới khi rời nước Pháp.

Hồi đầu mới tới Paris, Người đã tích cực hoạt động trong những hội Việt kiều ở đây. **"Hội Người Việt Nam Yêu Nước"** được lập năm 1917 và Người giữ chức vụ **Tổng thư ký**. Người nhanh chóng trở thành linh hồn của phong trào **Việt kiều yêu nước tại Pháp**.

Năm 1919, khi đại biểu của các nước đồng minh tham chiến trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất họp hội nghị ở **Versailles** (gần Paris), Người lấy tên là **Nguyễn Ái Quốc**, thay mặt "Hội Người Việt Nam Yêu Nước" soạn thảo và gửi đến Hội nghị "bản yêu sách của nhân dân An Nam". Bản yêu sách gồm 8 điểm, đòi chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Người còn gửi bản yêu sách đến các nhà hoạt động chính trị có tên tuổi, gửi đăng báo và in để phát trong



Nguyễn Ái Quốc phát biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp, ủng hộ Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Người tham gia sáng lập Đảng Công sản Pháp và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên (12.1920)

các cuộc họp và gửi về nước. Bản yêu sách có tiếng vang lớn trong nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân Pháp.

Trong thời gian này, ngoài những lúc phải làm việc để kiếm sống bằng nghề làm ảnh hoặc vẽ tranh trên quạt, trên chup đèn, Người thường đến đọc sách tại Thư viện Quốc gia Pháp hoặc Thư viện Sainte Geneviève và tham gia những buổi thảo luận tại Câu lạc bộ Ngoại ô. Cuối năm 1918, Người gia nhập **Đảng Xã hội** Pháp. Sau này, khi nhắc lại việc đó, Người bảo rằng khi ấy Người còn biết rất ít về các vấn đề chính trị nhưng Người muốn Tổ quốc được giải phóng, các dân tộc

thuộc địa được giải phóng, có những người trong Đảng Xã hội đồng tình với Người, vì vậy Người tham gia Đảng Xã hội.

Khi ấy rất ít người Pháp, ngay cả những người tiến bộ, quan tâm đến các vấn đề thuộc địa vì thực dân Pháp bưng bít những việc làm của chúng ở đây. Để tuyên truyền trong nhân dân Pháp, Người bắt đầu viết bài cho báo chí tố cáo tội ác của bọn thực dân.

Những bài báo đầu tiên ký tên **Nguyễn Ái Quốc** xuất hiện từ tháng **8-1919**. Người còn viết quyển **"Những người bị áp bức"** năm 1920, nói lên sự đau khổ của nhân dân các nước thuộc địa Đông Dương và sự tàn bạo của thực dân Pháp. (Rất tiếc bản thảo quyển này đã bị mất trước khi đưa in).

Trong khoảng năm 1919-1920, một vấn đề được đưa ra bàn luận nhiều trong các buổi họp của Đảng Xã hội là Đảng Xã hội nên ở lại Quốc Tế II hay tham gia Quốc Tế III của Lênin. Tuy nhiên, điều Người muốn biết hơn cả lại không được thảo luận: đó là Quốc Tế nào bênh vực nhân dân các thuộc địa?

Khi Người nêu câu hỏi này lên, một vài đảng viên Xã hội cho Người biết đó là Quốc Tế III và họ giới thiệu với Người bản "Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa" của Lênin được đăng trên báo L'Humanité ngày 16 và 17 tháng 7 năm 1920. Tác phẩm này của Lênin đề cập đến các vấn đề Người đang khao khát tìm hiểu, đã giúp Người nhìn rõ hướng đi của nhân dân các nước thuộc địa, tìm

thấy con đường cách mạng đúng đắn để giải phóng dân tộc Việt Nam và các dân tộc bị áp bức khác.

Trong Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tours vào cuối năm 1920, Người đã cùng các đảng viên Xã hội tiến bộ bỏ phiếu tán thành việc Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc Tế III.

Như thế, **Người là một trong những người sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp, là chiến sĩ cộng sản đầu tiên của Việt Nam.**

Đây là bước chuyển biến quyết định, bước nhảy vọt trong nhận thức tư tưởng và lập trường của Người. **Người đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn, con đường kết hợp đấu tranh giai cấp với đấu tranh dân tộc, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản.**

Tháng 10 năm 1921, Người cùng một số nhà hoạt động cách mạng của các thuộc địa Pháp khác thành lập **"Hội Liên hiệp Thuộc địa"** để đoàn kết các dân tộc thuộc địa trong một mặt trận chung đấu tranh chống thực dân. Người được bầu làm ủy viên thường trực Ban Chấp hành Trung ương và đã khởi thảo bản Tuyên Ngôn của Hội. Cuối năm 1921, Người dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Pháp, họp tại Marseille từ 25 đến 30 tháng 12-1921, và đã đề nghị thành lập Ban Nghiên cứu Thuộc địa trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Pháp. Ban này được lập vào năm 1922 và Người là Trưởng tiểu ban về Đông Dương. Trở lại Paris, Người

cùng một số hội viên Hội Liên hiệp Thuộc địa chuẩn bị xuất bản tờ báo **Người Cùng Khổ** (Le Paria) - Người vừa làm chủ nhiệm kiêm chủ bút, vừa là quản lý, người phát hành, người bán báo. Số báo đầu tiên ra ngày 1 tháng 4 năm 1922. Báo Người Cùng Khổ đã vạch trần chính sách dân áp, bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc và truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, thức tỉnh các dân tộc thuộc địa. Báo được bán ở Pháp, một phần quan trọng được gửi đến Đông Dương và các thuộc địa của Pháp ở châu Phi. Người đã viết, dịch ít nhất 38 bài, lại còn vẽ nhiều tranh cho báo trong suốt thời gian tồn tại của báo **Người Cùng Khổ**.

Cũng trong năm 1922, thực dân Pháp tổ chức Hội chợ Thuộc địa Marseille và đưa Khải Định sang dự. Người đã viết nhiều bài báo đả kích, lên án ông vua bù nhìn này, đặc biệt là vở kịch "**Con Rồng Tre**" vở kịch được Câu lạc bộ Ngoại ô trình diễn tại thị trấn Garches ngày 18 tháng 6-1922, trong ngày hội hằng năm của báo Nhân Đạo. Tháng 10 năm đó, Người tham dự Đại hội Đại biểu Đảng Cộng sản Pháp lần thứ 2 họp ở Paris. Trên diễn đàn Đại hội, Người phát biểu ý kiến yêu cầu Đảng Cộng sản Pháp quan tâm hơn nữa đến các thuộc địa!

Ngay từ khi Người trở lại Pháp năm 1917, cơ quan mật thám Pháp đã theo dõi và gây khó khăn cho những hoạt động của Người. Sau khi Người gửi bản Yêu sách tám điểm cho Hội nghị Versailles, chúng càng ráo riết theo dõi. Tuy nhiên vào tháng 6 năm 1923, Người đã thoát khỏi sự theo dõi của tất cả bọn

chúng. bí mật rời Pháp sang Đức, rồi từ đó sang Liên Xô....

Nói một mạch khá dài, anh Huỳnh chợt mỉm cười xin lỗi các bạn vì đã không ngừng nghỉ ít phút. Nhưng ý kiến chung lại muốn anh Huỳnh cứ nói.

Trước khi sang phần mới, anh Huỳnh tạm tóm tắt những gì vừa trình bày bằng một vài nét nổi bật cho dễ nhớ. Anh nói:

- Theo tài liệu anh đọc, thì suốt ba mươi năm đảng đảng ở nước ngoài, con đường muôn dặm của Bác Hồ có thể chia làm ba chặng lớn:

- Chặng 1: từ 1911 đến 1919

- Chặng 2: từ 1919 đến 1924

- Chặng 3: từ 1924 đến 1941

Chặng đường thứ nhất bắt đầu từ khi người thanh niên Nguyễn Tất Thành xuống tàu Amiral Latouche Tréville ngày **5 tháng 6 năm 1911**. Suốt chặng đường này, cái tên từ quê hương: - **Nguyễn Tất Thành**, được dùng phổ biến trong các giấy tờ, thư tín, cho nên có thể gọi đây là "**chặng đường Nguyễn Tất Thành**".

Chặng đường thứ hai bắt đầu từ **tháng 6 năm 1919**, khi Bác Hồ của chúng ta nhận danh nhóm "Người Việt Nam yêu nước" ký tên **Nguyễn Ái Quốc** vào bản "Yêu sách của nhân dân Việt Nam" gửi các đoàn đại biểu dự Hội nghị Versailles, yêu cầu các nước Đồng minh vừa thắng trận trong chiến tranh thế giới thứ nhất, trong đó có nước Pháp, hãy tôn trọng quyền tự do bình đẳng của nhân dân Việt Nam. Cho nên có thể gọi chặng đường này là "**chặng đường Nguyễn Ái Quốc**".

Còn chặng đường thứ ba không thể mệnh danh bằng một cái tên về người. Theo nội dung hoạt động thì có lẽ đúng hơn hết gọi là **“chặng đường về nước”** mặc dù các nơi Người tới, Người đi từ 1924 đến 1941 không phải là ít. Nhưng **mục tiêu lớn nhất** luôn đặt ra trước mắt Người là **“Về nước”** để thực hiện thành công mục tiêu cao cả, **giành lại chủ quyền cho đất nước**.

Có thể nói mở đầu cho chặng đường thứ ba này là vào **ngày 25 tháng 9 năm 1924**, văn phòng Ban Bí thư Quốc tế Cộng sản đã ra quyết định điều động **Nguyễn Ái Quốc** đi Quảng Châu đúng theo nguyện vọng của Người.

Con tàu viễn dương nhổ neo, rời bến cảng Vladivostock một buổi sáng mùa đông năm 1924, hướng về phía nam Trung Hoa.

Tính từ ngày 30 tháng 10 năm 1923, Người **đặt chân lên nước Nga tại Petrograd**. Cuối năm 1923, Người vào học tại trường **Đại học Phương Đông ở Moskva**, nơi bồi dưỡng chủ nghĩa Mác-Lênin cho các chiến sĩ cách mạng của các nước thuộc địa.

Ngày 21 tháng 1 năm 1924, Lenin từ trần. Người kể lại sự kiện đau buồn đó như sau: “Vào một ngày tháng giêng năm 1924, chúng tôi đang ăn buổi sáng tại quán cơm ở tầng dưới khách sạn thì được tin Lenin mất. Không ai muốn tin điều đó, nhưng khi ngoảnh lại, chúng tôi thấy lá cờ của Xô Viết Moskva đã bỏ rũ. Lenin đã mất. Thế là tôi chưa được gặp Lenin, và đó là một điều ân hận lớn trong đời tôi. Khi tôi đến nước

Nga, Người đã ốm nặng và đang chữa ở Gorki, cho nên không đến thăm được”.

Tháng 3-1924, khi trả lời phỏng vấn phóng viên báo “Đoàn Kết” (Unita) của Đảng Cộng sản Italia, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Chúng tôi tiếp tục đi theo con đường Cách mạng tháng Mười đã vạch ra, chúng tôi sẽ vận dụng vào thực tiễn những bài đã học được”.

Ngày 1 tháng 5 năm 1924, Người tham dự và phát biểu tại cuộc mít tinh kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động ở Quảng trường Đỏ Moskva.

Từ ngày 17 tháng 6 đến ngày 8 tháng 7 năm 1924, với tư cách là đại biểu tư vấn, Người **dự Đại hội lần thứ 5 của Quốc tế Cộng sản** tổ chức tại điện Kremli ở Moskva. Tại Đại hội, Người đã phát biểu ý kiến ba lần vào các ngày 23 tháng 6, ngày 1 và ngày 3 tháng 7 năm 1924, nêu lên vị trí và tầm quan trọng của cách mạng thuộc địa. Người cho rằng “Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới tùy thuộc phần lớn vào các thuộc địa”. Người thẳng thắn phê bình một số đảng Cộng sản còn coi nhẹ cách mạng thuộc địa. Người kêu gọi các đảng Cộng sản cần thực hiện di huấn của Lênin về vấn đề thuộc địa, không chỉ bằng lời nói mà bằng hành động thực tế.

Chỉ trong tháng 7 và tháng 8 năm 1924, Người dự tới 4 Đại hội quan trọng ở Liên Xô là các **Đại hội lần thứ 4 của Quốc tế Thanh niên**, Đại hội lần thứ 3 của Quốc tế Phụ nữ, Đại hội Quốc tế Công đoàn, Đại hội lần thứ nhất của Quốc tế Cứu tế đỏ.

Người được cử làm ủy viên Bộ Phương Đông, trực tiếp phụ trách Cục Phương Nam của Quốc tế Cộng sản.

Cuối năm 1924, lấy tên là **Lý Thụy**. Người từ Liên Xô đến **Quảng Châu** (Trung Quốc) công tác trong **phái đoàn cố vấn của Chính phủ Liên Xô** bên cạnh Chính phủ Tôn Dật Tiên do Borodin làm Trưởng đoàn, kết thúc thời kỳ đầu tiên sống, hoạt động và học tập ở Liên Xô.

Sau một thời gian hoạt động ở Quảng Châu, cuối tháng 4 năm 1927, khi vụ phản biến của Tưởng Giới Thạch nổ ra ở đây, Người đến Hồng Kông rồi lên Thượng Hải tìm đường đi Liên Xô. Ngày 25 tháng 6 năm 1927, sau khi đến Moskva với tư cách là đại biểu Việt Nam trong Quốc tế Cộng sản, Người gửi thư cho chi bộ Đảng Cộng sản của Trường Đại học Phương Đông và Ban Bí thư La tinh của Quốc tế Cộng sản về việc thành lập một nhóm Cộng sản Việt Nam gồm 5 người do Lý Quý (tức Trần Phú) làm bí thư và yêu cầu chi bộ nhà trường cử cán bộ phụ trách giáo dục cộng sản cho nhóm.

Tháng 8 năm 1927, Người đến nghỉ tại nhà nghỉ mang tên Lenin ở Krúm (miền Nam Liên Xô). Cũng trong thời gian này một số bài viết của Người đăng trên tạp chí "**Thư tín Quốc tế**", như "Những tội ác ghê tởm của đế quốc Pháp ở Đông Dương" (ngày 28 tháng 9), "Sự thống trị của thực dân Pháp ở Đông Dương" (ngày 15 tháng 10).

Đầu năm 1928, Người được Quốc tế Cộng sản cử đến **Berlin** giúp vào việc thành lập Liên đoàn chống chủ nghĩa đế quốc ở Đức. Ngày 25 tháng 2 năm 1930 trong thư gửi một số bạn Liên Xô, Người cho biết ý định viết một cuốn sách dưới dạng "Những kỷ niệm về cuộc du lịch của tôi" để giới thiệu nước Nga cách mạng cho nhân dân Việt Nam. Ý định đó sau này có lẽ được Người viết thành cuốn "**Nhật ký chìm tàu**" (1930).

Sau khi bị đế quốc Anh bắt giam trái phép ở Hồng Kông và được trả tự do vào mùa xuân 1933, bắt được liên lạc với Quốc tế Cộng sản, mùa xuân 1934, Người đáp tàu thủy rời Thượng Hải đi Vladivostok rồi về Moskva, mở đầu thời kỳ mới trong cuộc đời hoạt động của Người trên đất nước Liên Xô: học tập với trau dồi lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Ngày 1 tháng 10 năm 1934 với tên mới là **Linốp**, Người được Quốc tế Cộng sản giới thiệu vào trường Đại học Lênin - Trường Đảng cao cấp đào tạo cán bộ lãnh đạo cho các Đảng Cộng sản và công nhân các nước trên thế giới - nhà số 25 đường Voropskovo ở Moskva. Cuối 1934 sau khi học hết chương trình trong trường Đại học Lênin, Người vào lớp nghiên cứu sinh Ban Sử của Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Quốc tế Cộng sản. Ngày 16 tháng 1 năm 1935, Người gửi thư cho Bộ Phương Đông, phản ánh tóm tắt trình độ lý luận của cán bộ, đảng viên một số nước thuộc địa và đề nghị một số biện pháp nhằm bồi dưỡng lý luận Mác-Lênin cho họ.

Từ ngày 25 tháng 7 đến ngày 20 tháng 8 năm

1935, với tư cách là đại biểu của Bộ Phương Đông. Người dự **Đại hội 7 của Quốc tế Cộng sản** tại Moskva. Người tham gia thảo luận các chuyên đề ở các tiểu ban, đồng thời giúp đoàn đại biểu Đoàn Cộng sản Đông Dương do Lê Hồng Phong dẫn đầu hoàn thành tốt nhiệm vụ tại Đại hội. Ngày 25 tháng 9, Người dự **Đại hội 6 Quốc tế Thanh niên** tổ chức tại trụ sở Công đoàn Liên Xô ở Moskva. Năm 1936, Người công tác tại Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc thuộc địa. Người cũng theo dõi và giúp đỡ nhóm học sinh Việt Nam đang theo học ở đây. Năm 1937 Người là nghiên cứu sinh thuộc Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa cho đến đầu năm 1938.

Cuối tháng 10 năm 1938, Người rời Liên Xô để tìm đường về Việt Nam, trực tiếp lãnh đạo cuộc cách mạng ở đây.

Dù xa Liên Xô nhưng Người vẫn không quên những ngày sống, làm việc và học tập ở đây và nhất là không quên được chính Cách mạng tháng Mười Nga và Lênin đã chỉ ra cho Người thấy con đường làm cách mạng để cứu nước cứu dân.

Và mùa thu năm 1938, người ta đã thấy Nguyễn Ái Quốc tại một biệt thự trong khu vườn táo (Diên Viên) phía Đông Bắc thành phố Diên An, tỉnh Thiểm Tây - Trung Quốc.

Diên An là trung tâm căn cứ địa của Đảng Cộng sản Trung Quốc bao gồm ba tỉnh Thiểm Tây - Cam Túc - Ninh Hạ sau khi Đảng tiến hành cuộc vận lý trường

chinh cực kỳ gian khó từ miền Nam lên miền Bắc Trung Hoa năm 1935-1936. Đến năm 1938, căn cứ địa Thiểm - Cam - Ninh đã vững mạnh. Diên An trở thành “thủ đô cách mạng” của những người Cộng sản, là nơi phát ra mọi đường lối chủ trương của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Từ Moskva, ông Nguyễn vượt một chặng đường dài vạn dặm, qua sa mạc Gobi, lối Tân Cương, qua Tây An rồi đến Diên An.

Ở Diên An, Nguyễn Ái Quốc là khách của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, với tư cách là người của Bộ Phương Đông, được sự giới thiệu của Quốc tế Cộng sản để các đồng chí Trung Quốc giúp đỡ liên hệ với Đảng Cộng sản Đông Dương, tìm đường về Việt Nam.

14 năm về trước, khi ông Nguyễn từ Moskva tới Quảng Châu, nhờ sự giúp đỡ của chính phủ cách mạng Trung Hoa Dân quốc và sự giúp đỡ của phái bộ cố vấn Borodin cùng với các đồng chí Cộng sản Trung Quốc mà ông Nguyễn liên hệ rất thuận lợi với các nhà cách mạng Việt Nam ở Quảng Châu, Hàng Châu, Thượng Hải, Hồng Kông... Người làm phiên dịch cho phái đoàn Borodin với bí danh là Lý Thụy. Borodin giúp đỡ Người trong việc lựa chọn gửi thanh niên Việt Nam sang học trường Đại học Phương Đông ở Moskva. Borodin giới thiệu nhiều giảng viên Liên Xô đang công tác tại viện Quân chính Hoàng Phố đến giảng cho các lớp huấn luyện chính trị do Lý Thụy tổ chức tại Quảng Châu... Đó là từ hồi 1924.

Bây giờ, mùa thu 1938, đã khác. Diên An và cả vùng căn cứ Thiểm-Cam-Ninh bao la không có cơ sở nào của cách mạng Việt Nam.

Từ năm 1936, đường lối đoàn kết kháng Nhật của Đảng Cộng sản Trung Quốc được nhân dân Trung Quốc hưởng ứng. Chính phủ Tưởng Giới Thạch tuy rất căm ghét Đảng Cộng sản, vẫn phải chấp nhận sự hợp tác với Đảng Cộng sản trong công cuộc chống xâm lược Nhật Bản. Các đạo quân Cộng sản Tân tứ quân và Bát lộ quân trước kia là đối tượng truy quét và tiêu diệt của Tưởng thì nay trở thành đội quân cứu nước hợp pháp mà chính phủ Tưởng Giới Thạch phải thừa nhận, công khai đặt "Biện Sự xứ" ở các tỉnh, các thành phố thuộc khu vực hoạt động của mình. Trong hoàn cảnh đó, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tạo điều kiện cho đồng chí Nguyễn Ái Quốc gia nhập biên chế Bát lộ quân do tướng Diệp Kiếm Anh chỉ huy, chuyển dân xuống miền Nam Trung Hoa, để tìm cơ hội bắt mối liên lạc với cách mạng Việt Nam.

Với bí danh mới là **Hồ Quang**, cuối năm 1938, ông Nguyễn làm việc trong **Biện sự xứ Bát lộ quân** đóng ở ngoại thành Quế Lâm, một thành phố tương đối lớn thuộc tỉnh Quảng Tây - Trung Quốc.

Biện sự xứ này có hàng ngàn người, đóng rải rác hai bên đường sắt dẫn vào thành phố. Hồ Quang được xếp đặt làm việc trong Phòng Cửu vong đóng tại thôn Lộ Mạc. Phòng này có chức năng giáo dục văn hóa, chính trị cho cán bộ, nhân viên trong Biện sự xứ và hoạt động như một câu lạc bộ. Công tác của phòng

được phân cho các ủy viên: văn hóa, thể thao, báo tường, vệ sinh và tài chính. Hồ Quang là ủy viên vệ sinh kiêm ủy viên báo tường. Không ai biết Hồ Quang là người từ đâu đến. Chỉ thấy ông già gần 50 tuổi này ở chung một buồng với Trưởng phòng Hà Khải Quân. Hàng ngày ông dậy sớm, quét dọn nhà cửa sạch sẽ, tập thể dục rất đều đặn, làm việc rất nghiêm túc, chi tiêu rất tiết kiệm. Đối với anh em chung quanh ông thương thân mật gợi ý viết bài lên bích báo. Ai vi phạm trật tự, vệ sinh đều được Hồ Quang nhắc nhở một cách nhẹ nhàng...

Chỉ có trưởng phòng Hà Khải Quân được đồng chí Giám đốc Biện sự xứ Lý Khắc Nông rỉ tai dặn dò phải đối xử khiêm tốn, lễ độ với đồng chí Hồ Quang. Công việc kiểm tra vệ sinh và làm báo tường chỉ chiếm một phần nhỏ thời gian. Hồ Quang dành hết phần còn lại để đọc sách báo, tìm hiểu đường lối kháng Nhật cứu nước, xây dựng quân đội, xây dựng kinh tế văn hóa trong chiến khu và những kinh nghiệm hoạt động của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đồng thời theo dõi thời sự Trung Quốc và thế giới, mong tìm thấy những tin tức về Việt Nam.

Ông đã nhờ Lý Khắc Nông - người duy nhất trong Biện sự xứ biết ông là ai - kiếm cho một cái máy chữ tiếng Pháp để làm việc. Lý Khắc Nông ủy thác việc này cho Lý Bội Quân, một cán bộ giao thông liên lạc của Bát lộ quân, thường đi lại trên đường Quế Lâm - Hải Phòng - Hồng Kông.

(Sau này, Lý Bội Quân đã viết hồi ký: "Đồng chí Hồ

Quang nhận được máy chữ do tôi mua từ Hải Phòng về thì hết sức mừng rỡ. Hồi ấy cuộc sống của mọi người hết sức khó khăn, thế mà ông Hồ đã thết tôi một bữa tại hiệu ăn Quế Lâm. Bữa “thết” chỉ có hai món xào nấu, một bát canh và hai chén rượu, nhưng linh cảm thì rất chân thành, phấn khởi...”)

Ông Hồ đã tìm lại địa chỉ của tờ Notre Voix (Tiếng nói chúng ta), tờ báo công khai của phong trào mặt trận Dân chủ Đông Dương xuất bản tại Sài Gòn. Và từ Phòng Cửu vong của Biện sự xứ Bát lộ quân, với chiếc máy chữ “Hermès Baby” xách tay, ông thường viết bài gửi về tòa báo **Notre Voix** với bút danh **P.C.Lin** để hướng dẫn anh em trong nước về phương thức hoạt động cũng như giới thiệu một cách khéo léo những kinh nghiệm cách mạng Trung Hoa. **Đầu năm 1939**, Hồ Quang rời Biện sự xứ Quế Lâm chuyển sang **trường huấn luyện cán bộ du kích ở Nam Nhac** thuộc thành phố **Hoành Dương, tỉnh Hồ Nam**, cách Quế Lâm mấy trăm cây số.

Trường huấn luyện này được tổ chức với sự hợp tác Quốc Cộng. Khi quân Nhật đã chiếm lĩnh nhiều vùng trên đất Trung Hoa, Tưởng Giới Thạch thấy cần truyền bá những kinh nghiệm đánh du kích của Bát lộ quân ở vùng sau lưng địch, nên ông ta yêu cầu Đảng Cộng sản cử cán bộ đến giảng dạy cho trường huấn luyện Nam Nhac.

Ở đây đồng chí Diệp Kiếm Anh giữ chức Phó giáo vụ trưởng và Hồ Quang là bí thư chi bộ của các giáo viên và cán bộ Cộng sản trong nhà trường, đồng thời kiêm

chức hiệu thỉnh viên giữ đài radio, bảo đảm thông tin liên lạc giữa nhà trường với Biện sự xứ Bát lộ quân ở Quế Lâm.

Khóa huấn luyện thứ nhất mở từ tháng 2 đến tháng 5 năm 1939. Sau đó Diệp Kiếm Anh được điều động đi phụ trách công tác Cục Hoa Nam thì Hồ Quang vẫn còn ở lại tham gia khóa hai, từ tháng 6 đến tháng 9-1939.

Hồ sơ lý lịch của ông còn lưu lại phòng bảo tàng Bát lộ quân, ghi rõ:

Họ và tên: Hồ Quang

Chức vụ: Thiếu tá, đài viên đài tin tức

Tuổi: 38 tuổi (ghi sứt hấn 10 tuổi)

Đơn vị: Tập đoàn quân 18 (tức Bát lộ quân)

Tốt nghiệp trường: Đại học Linh Nam

Lý lịch công tác: Từng làm giáo viên trung học và hiệu trưởng trường ngoại ngữ.

Khóa thứ ba lớp huấn luyện du kích phải rời đi nơi khác, vì thành phố Hoành Dương bị phát xít Nhật oanh tạc nặng nề. Danh sách Hồ Quang vẫn còn trong trường huấn luyện, nhưng trên thực tế ông đã trở lại Quế Lâm...

... Từ những bài báo của P.C.Lin gửi đăng báo "Tiếng nói chúng ta", những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương đã nhận được một thông tin quan trọng: Đồng chí Nguyễn Ái Quốc hiện đang ở Trung Hoa.

Dùng đường dây bí mật, thông qua Đảng Cộng sản Pháp, các đồng chí Việt Nam nhấn tin nhờ Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tìm kiếm Nguyễn Ái Quốc.

Hồ Quang đang làm việc trong phòng hiệu chỉnh viên trưởng huấn luyện du kích thì nhận được bức điện văn tắt từ Biên sự xứ Quế Lâm gửi tới:

“Về gấp nhận công tác mới”

Từ Hoành Dương trở lại Quế Lâm, vừa tới đầu thôn Lò Mạc, ông Hồ đã gặp chàng thanh niên Lý Bội Quân với nét mặt hân hoan, phấn khởi.

- Đồng chí Hồ, tôi lại sắp được giúp đỡ đồng chí một việc quan trọng nữa đây. Cái máy chữ ngày nọ tôi mua cho đồng chí vẫn dùng tốt đấy chứ?

- Máy chữ thì tốt đồng chí ạ. Mỗi lần đánh máy tôi lại nhớ đến sự giúp đỡ của đồng chí. Chẳng hay lần này sẽ có việc gì tốt đẹp cho chúng ta lại hợp tác với nhau?

- Thưa đồng chí, việc đó xin đồng chí gặp thủ trưởng Lý Khắc Nông. Ông Lý đang chờ đồng chí đây.

Lý Bội Quân từ trước chỉ biết Hồ Quang là một đồng chí lớn tuổi quê ở Quảng Đông, thạo nhiều ngoại ngữ, được cơ quan lãnh đạo Biên sự xứ rất coi trọng. Gần đây anh mới được Lý Khắc Nông cho biết Hồ Quang là một yếu nhân Quốc tế Cộng sản người Việt Nam, đang cần đi Long Châu, một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, giáp tỉnh Lạng Sơn - Việt Nam để gặp người của Đảng Cộng sản Đông Dương đang chờ ở đó.

(Hồi ký của Lý Bội Quân ghi tiếp: "Vào khoảng tháng 10, 11 năm 1939, tôi lại nhận nhiệm vụ từ Quế Lâm qua Việt Nam đến Hương Cảng. Trước khi lên đường, đồng chí Lý Khắc Nông tìm tôi nói chuyện, cho tôi biết lai lịch của đồng chí Hồ Quang; đồng thời giao cho tôi nhiệm vụ đưa đồng chí Hồ Quang đi Long Châu... Tôi hộ tống đồng chí Hồ Quang qua Liễu Châu, Nam Ninh rồi xuống Long Châu. Dọc đường tôi hết sức cẩn thận. Sau khi tới Long Châu chúng tôi ở lại quán trọ nhỏ cạnh bờ sông. Nhưng đợi luôn ba ngày vẫn không thấy bóng một đồng chí Việt Nam nào đến liên lạc với đồng chí Hồ Quang. Ông Hồ đành phải quay trở về Quế Lâm, còn tôi thì tiếp tục nhiệm vụ của mình từ Long Châu sang Việt Nam để đi Hương Cảng... Mãi về sau này, khi cách mạng Việt Nam và cách mạng Trung Quốc đã thành công, tôi mới biết được sự trục trặc hồi ấy là do đồng chí liên lạc viên của Đảng Cộng sản Đông Dương bị người ta lừa gạt mất hết tiền phải trở về nước ba ngày trước khi tôi đưa ông Hồ tới Long Châu).

Trở về Quế Lâm, đồng chí Hồ Quang không hề thất vọng. Đường dây liên lạc tuy còn trục trặc, nhưng không chông thì chảy sẽ phải chấp nối được...

... Ngày ấy, những người Cộng sản Việt Nam đi tìm lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đã trải qua nhiều chặng đường ngoắt ngoéo.

Cụ Đặng Văn Cáp (lừng là cán bộ đưa đường, bảo vệ và thầy thuốc bên cạnh Hồ Chủ tịch thời kỳ 1940-1945), kể lại trong hồi ký của mình:

“Tôi và anh Phùng Chi Kiên mua vé lên đường vào một ngày cuối tháng 9. Qua Hương Ninh đến Thiệu Quang, chúng tôi vào Biện sự xứ của Bát lộ quân gặp đồng chí chủ nhiệm Cổ Đại Tôn. Đồng chí nói: “Ba lần ông cụ tìm người đón để về nước mà không gặp. Ông cụ trước ở biên khu phía Nam Hoành Dương thuộc lĩnh Hồ Nam, có lẽ bây giờ đã đi Trùng Khánh rồi”.

Chúng tôi tức tốc đi Hoành Dương hỏi thăm. Người ta cho biết ông cụ đã đi Quế Lâm. Chúng tôi lại đi Quế Lâm, tìm đến Biện sự xứ, ông cụ đã đi Quý Dương. Bây giờ đang cuối tháng mười. Ngày Quốc khánh Liên Xô mừng 7 tháng 11, chắc đến kịp sẽ gặp ông cụ ở đó. Chúng tôi bảo nhau tức tốc đi ngay. Rủi thay khi đi đường anh lái xe ô tô khách xếp hành lý thế nào để thất lạc chiếc va li của một tên quan Quốc dân đảng. Hắn tuyên bố nếu không tìm ra va li cho hắn thì sẽ nhốt tuốt cả lũ vào doanh trại. Thế là xe bị giữ lại ở huyện Độc Sơn một tuần lễ. Mãi tới mừng 10 tháng 11 chúng tôi mới tới Quý Dương, tìm vào Biện sự xứ Bát lộ quân, gặp đồng chí Viên Siêu Tuấn. Anh ta cho biết: “Đồng chí Hồ Quang đã rời đây đi ba ngày rồi. Có thể đồng chí ấy đi thẳng Côn Minh, mà cũng có thể sẽ quay lại Quý Dương. Mấy ngày nay bọn Tưởng đang chuẩn bị họp tại thị trấn này, chúng rất để ý đến chúng ta, các đồng chí ở lại đây không tiện, nên đi thẳng Côn Minh. Nếu đồng chí Hồ Quang trở lại đây tôi sẽ báo cho đồng chí ấy biết để đi ngay gặp các đồng chí. Chúng tôi liền mua hai vé xe đi Côn Minh. Nhưng vì xe đến 5 giờ sáng mai mới khởi hành, chúng

tôi đi dạo chơi các phố. Phong cảnh ở đây rất đẹp, rất hấp dẫn. Chúng tôi đang đi thơ thẩn thì bỗng có một người đang đứng xem báo, chợt nhận ra chúng tôi, chạy lại chào hỏi. Đó là ông Hồ Học Lãm, một nhân vật kỳ cựu trong lớp Đông du, đã từng giúp đỡ anh em cách mạng ở Nam Kinh, trong đó có chúng tôi. Tay bắt mặt mừng sau bốn năm xa cách, ông Lãm nói:

“Chúng ta gặp nhau như trong giấc mộng vậy”.

Nói xong, ông kéo chúng tôi về nhà chơi cách đó không xa, ông nói: “Có cơ hội tôi cũng muốn về nước đóng góp một việc gì, dù lớn hay nhỏ. Con rể tôi là Lê Thiết Hùng hiện đang phụ trách giao thông của binh đoàn ở Quán thảo điểm, tỉnh Hồ Nam, cũng sẽ về đây, gặp nhau rồi các ông đi cùng chưa muộn. Hoặc là một người đi trước, một người ở lại chờ xem sao”. Chúng tôi suy tính: Nếu bán được một vé xe sẽ có thêm một trăm bạc, người đi Côn Minh thì còn ít tiền để tiêu pha, mà người ở lại Quý Dương may ra gặp được đồng chí Hồ Quang cũng rất hay. Đúng như chúng tôi bàn tính, sau khi anh Phùng Chí Kiên đi Côn Minh được 7 ngày, đồng chí Hồ Quang có trở lại Quý Dương. Có điều không may cho tôi là ngày hôm đó lại chính là ngày “hội sư” của Tưởng Giới Thạch với các tướng tá đủ loại binh chủng, nên chúng giới nghiêm tất cả các ngã đường, nhất là đường từ bến ô tô vào Biện sự xứ Bát lộ quân. Đồng chí Hồ Quang đến bến xe Quý Dương mà không biết tôi đang đón ở thị trấn này, nên cứ đi thẳng xuống Côn Minh”.

... Tới Côn Minh, đồng chí Hồ Quang được các đồng

chí Trung Quốc xếp đặt ở một căn gác nhỏ số 67 đường Hoa Nam Sơn. Đây là Nhà xuất bản "Độc thư sinh hoạt", tầng dưới có hiệu bán sách Tân Hoa.

Hồi ký của cụ Vũ Anh kể rõ giờ phút gặp gỡ hồi hộp này: "Tôi đang ngồi ở hành lang của hiệu đầu cù là Vinh An Đường xem sách, bỗng nghe một người Trung Quốc hỏi bác công nhân ngoài cổng:

- Anh cho tôi hỏi, ở đây có ai là Trịnh Đông Hải không?

Tôi vội vàng gấp sách lại, chạy ra. Trước mặt tôi là một người đàn ông ăn mặc sang trọng áo vét, cổ cồn, cà vạt, giày da. mũ phớt... Lại một khách hàng muốn nhờ vả xe cộ gì đây... Tôi đến bên ông trả lời cũng bằng tiếng Trung Quốc.

- Tôi là Trịnh Đông Hải đây. Ông hỏi tôi có việc gì?

Người khách đưa mắt thoáng qua phía người công nhân, rồi sát lại gần tôi, nói nhỏ bằng tiếng Việt Nam:

- Tôi là Trần. Tôi có nhận được thư của các anh.

Nói lời đây ông im lặng nhìn thẳng vào tôi, chờ đợi. Còn tôi thì hồi hộp, chưa sao nói được.

Thấy tôi có vẻ hồi hộp, ông Trần nói ngay:

- Bây giờ nếu rồi việc, anh em ta ra ngoài công viên nói chuyện.

Tôi đưa ông Trần ra công viên ở phía tây thành phố Côn Minh. Ông đi rất nhanh, bước dài và khỏe. Đến một ghê đá, ông bảo tôi ngồi xuống và nhìn ra phía con đường phố chính, hỏi:

- Hiện nay tình hình Văn Nam như thế nào, anh có nắm được không?

- Ở Văn Nam hiện nay có anh Mạnh Văn Liễu, tức là Phùng Chí Kiên đã thành lập Ban Hải ngoại của Đảng. Anh Kiên là người chỉ đạo, phụ trách tờ báo Đồng Thanh ở cơ quan bí mật, cách Vinh An Đường khoảng ba cây số. Tôi lái xe cho hiệu Vinh An Đường, lấy tiền chi phí công tác cho Đảng, vừa làm đầu mối giao thông đi các nơi. Thỉnh thoảng rồi việc tôi giúp anh Kiên in báo. Bên cạnh Ban Hải ngoại còn có chi bộ Văn Quý, bao quát hai tỉnh Văn Nam và Quý Châu, do tôi làm bí thư.

Hôm nay họp mặt với toàn Ban Hải ngoại của Đảng, đồng chí Hồ Quang rất vui. Bao nhiêu thời gian đã trôi qua, kể từ năm 1931 bị bắt ở Hồng Kông đến nay, thấm thoát đã 8 năm, ông mới gặp lại một tổ chức của Đảng đang trực tiếp công việc của cách mạng Việt Nam.

Phùng Chí Kiên báo cáo với Hồ Quang tình hình anh em cán bộ cách mạng ở vùng Hoa Nam từ ngày Tưởng Giới Thạch làm đảo chính tháng 4 năm 1927. Hồ Quang không giấu nét thương cảm khi biết trong số những người học trò cách mạng của ông ở Quảng Châu đã có mấy đồng chí hy sinh nơi tù ngục của thực dân Pháp như Trần Phú, Lê Hồng Sơn, Nguyễn Sĩ Sách, Đặng Thái Huyền, Lý Tự Trọng v.v... Có người đã ngã xuống khi sát cánh với các ban Trung Quốc chiến đấu chống bọn phản động Trung Quốc như Liêu Quốc Long, có người đang bị giam cầm tra tấn nơi ngục

từ ở Việt Nam như Hồ Tùng Mậu, Võ Tùng, Trương Văn Linh, v.v...

Việc liên lạc với Trung ương ở trong nước, Phùng Chí Kiên trình bày:

- Hai tháng sau khi nổ ra chiến tranh thế giới, Trung ương ở trong nước đã họp hội nghị lần thứ sáu. Chúng tôi cũng được thông báo về chủ trương thành lập "Mặt trận dân tộc phản đế Đông Dương" thay cho "mặt trận dân chủ Đông Dương" trước đây. Điều kiện liên lạc khó khăn, việc truyền đạt của Trung ương không được thường xuyên, chúng tôi hoạt động ở đây chỉ dựa trên tinh thần chung của Đảng rồi xuất phát từ tình hình địa phương mà độc lập đề ra chủ trương cụ thể. Gần đây anh Hoàng Văn Thụ viết thư ra giới thiệu hai anh Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp là hai cán bộ trí thức của Đảng hoạt động thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương đã bị lộ...

- Họ đã sang đây rồi chứ?

- Vâng. Chúng tôi đã bố trí hai anh ở một nơi an toàn.

- Các đồng chí bố trí để chúng ta cùng gặp hai anh ấy...

(... Về sau Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại trong hồi ký của mình: "Một tuần sau khi đến Côn Minh, chúng tôi chuyển sang nhà một đồng chí Trung Quốc cho ở nhờ... Nhớ đến lời anh Hoàng Văn Thụ nhắn trước khi ra đi là sang đây sẽ gặp đồng chí Vương, tôi tin rằng đồng chí Vương là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Một hôm anh Phùng Chí Kiên rủ chúng tôi đi Thủy Hồ. Đến đây, tôi thấy anh Vũ Anh ngồi trong một chiếc thuyền với một người đứng tuổi gầy gò, có đôi mắt rất sáng, mặc bộ quần áo Tôn Trung Sơn màu xám, đội mũ phớt. Tôi nhận ra ngay đúng là đồng chí Nguyễn Ái Quốc mà tôi đã thấy trong ảnh ngày trước. Nếu so với ảnh thì trông Bác ở ngoài linh hoạt và sắc sảo hơn nhiều...

Một lần Bác bảo anh Đồng và tôi:

- Các đồng chí sẽ đi Diên An, lên trên ấy vào trường Đảng học tập chính trị, cố gắng học thêm quân sự...)

Sau khi hai anh Đồng và Giáp lên đường đi Quý Dương được khoảng ba tuần lễ thì báo chí đăng tin Pháp thất thủ Paris ngày 20 tháng 6 năm 1940.

Các anh trong Ban Hải ngoại từ Côn Minh lên tới Quý Dương thì vừa gặp các anh Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Cao Hồng Lĩnh. Anh Đồng lấy tên mới là Lâm Bá Kiệt và anh Giáp là Dương Hoài Nam.

- May quá - Dương Hoài Nam nói - bọn chúng tôi đang chuẩn bị sắm đồ rét để lên Diên An thì các đồng chí ở Biện sự xử thông báo cho biết Bác đánh điện lên báo chúng tôi hãy ở lại chờ.

- Thật là ăn khớp - Phùng Chí Kiên nói - Pháp đầu hàng Đức. Bác chủ trương chúng ta phải gấp rút về nước để nắm thời cơ phát động phong trào giành lại độc lập... chúng tôi đến đây để đưa các anh sang Quảng Tây. Chúng ta sẽ chờ Bác ở Liễu Châu để bàn định công việc.

... Trong cuộc họp, đồng chí Hồ Quang nói:

- Phải giữ vững danh nghĩa của mình là những người yêu nước Việt Nam, hợp tác với Đồng Minh, cùng nhân dân Trung Quốc đánh Nhật cứu nước.

Có người nêu ý kiến:

- Hồi 1935-1936, ở Nam Kinh, chúng tôi dựa vào ông Hồ Học Lãm và đã tán thành một sáng kiến của ông, lập ra một tổ chức là "Việt Nam độc lập đồng minh hội", gọi tắt là "Việt Minh" để có danh nghĩa hợp pháp mà hoạt động. Ông Lãm là cán bộ cao cấp trong bộ tham mưu của Tưởng nên đã xin đăng ký tổ chức Việt Minh một cách thuận lợi và nhanh chóng...

Sau khi kể thêm một số tình tiết có liên quan đến tổ chức "Việt Minh" anh Huỳnh nói đến **cuộc gặp mặt của đồng chí Hồ Quang với hai người khách lạ**. Hai người khách đó là đồng chí Hoàng Văn Thụ, ủy viên thường vụ Trung ương, Bí thư Xứ ủy Bắc kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương, và đồng chí Bùi Minh Đức, người giao thông liên lạc mấy năm nay từng qua lại Vân Nam, Quảng Tây nhiều lần để tìm lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Lần đầu tiên sau nhiều năm, đồng chí Hồ Quang mới được trực tiếp nghe một người lãnh đạo Đảng từ trong nước ra báo cáo tình hình. Ông lắng nghe chăm chú và đặt ra nhiều câu hỏi để được hiểu sâu về tình hình địch, ta, về cuộc sống của nhân dân, về hoạt động của Đảng ở trong nước. Ông đặc biệt chú ý đến hai cuộc khởi nghĩa trong năm 1940 ở Bắc Sơn và ở Nam kỳ do Đảng bộ địa phương lãnh đạo, và gần nhất

là cuộc khởi nghĩa Đô Lương ở Nghệ An do Đội Cung tổ chức ngày 13 tháng 1 năm 1941....

Đồng chí Hoàng Văn Thụ nói:

- Thưa đồng chí, mấy năm nay Trung ương mong mỗi được gặp đồng chí để xin ý kiến. Các đồng chí Trần Phú, Lê Hồng Phong đều đã hy sinh. Đồng chí Hà Huy Tập, Bí thư Trung ương từ Đại hội Ma Cao đang bị giam ở Sài Gòn; còn đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư kế tiếp cũng đã bị bắt ở Sài Gòn hồi tháng 6 năm ngoái. Tình hình trong Nam kỳ và Trung kỳ chúng tôi chưa được biết. Ngoài Bắc kỳ chỉ còn tôi, anh Trường Chinh và các anh Hạ Bá Cang, Trần Đăng Ninh v.v... Cuộc hội nghị Trung ương lần thứ 8 nhất định phải họp trong năm 1941 này, rất cần có sự hướng dẫn của đồng chí với tư cách đại diện của Quốc tế Cộng sản. Chúng tôi đang chấp đường dây liên lạc để triệu tập các đồng chí trong Nam kỳ và Trung kỳ...

Đồng chí Hồ Quang lắng nghe rồi nói với Hoàng Văn Thụ:

- Đồng chí Thụ, công cuộc giải phóng dân tộc trong giai đoạn này phải đoàn kết toàn dân thật rộng. Bất cứ ai, miễn là có lòng muốn đánh Pháp, đuổi Nhật chúng ta đều phải đoàn kết. Ai chưa hiểu thì hết sức tuyên truyền giải thích cho họ hiểu để lôi kéo vào công cuộc đấu tranh...

Kết thúc hai ngày làm việc, Hồ Quang đề nghị Hoàng Văn Thụ:

- Bây giờ đồng chí về nước, bàn với anh em chuẩn

bị nội dung hội nghị Trung ương sắp tới, và chỉ thị cho Đảng bộ Cao Bằng chuẩn bị cơ sở để chúng tôi về nước càng sớm càng hay, góp sức với anh em phát động phong trào, gây dựng căn cứ địa.